

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
- Mã chứng khoán: LKW
- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Bis đường Cách mạng tháng 8, P.Xuân Bình, TP.Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 02513.877.241 Fax: 02513.783.897
- Trang Website: <http://www.capnuoclongkhanh.com.vn>
- Người thực hiện công bố thông tin:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Chức vụ: Thư ký Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin về việc:

- Báo cáo thường niên năm 2020.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/03/2021 tại đường dẫn:

<http://www.capnuoclongkhanh.com.vn/quanhecodong.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,QTTH.



Nguyễn Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH



02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình,
Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai



(0251) 3877 241



(0251) 3783 897



www.capnuoclongkhanh.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

MỤC LỤC



Chương 1

- 06 Thông tin chung
 - 06 Thông tin khái quát
 - 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - 11 Quá trình hình thành và phát triển
 - 13 Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
 - 15 Định hướng phát triển
 - 17 Các rủi ro



Chương 2

- 20 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020
 - 21 Tình hình sản xuất kinh doanh
 - 23 Tổ chức và nhân sự
 - 33 Tình hình đầu tư
 - 37 Tình hình tài chính
 - 41 Cơ cấu cổ đông và vốn chủ sở hữu
 - 43 Báo cáo phát triển bền vững



Chương 3

- 48 Đánh giá và báo cáo của ban điều hành
 - 49 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 51 Tình hình quản trị tài sản, nguồn vốn
 - 53 Kế hoạch kinh doanh năm 2021
 - 55 Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Chương 4

- 58 Báo cáo Hội đồng quản trị
 - 59 Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
 - 61 Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
 - 63 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



Chương 5

- 66 Quản trị công ty
 - 67 Hội đồng quản trị
 - 69 Ban kiểm soát
 - 71 Giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc



Chương 6

- 74 Báo cáo tài chính
 - 78 Ý kiến đánh giá của kiểm toán viên
 - 79 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020



1

Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Tên tiếng anh: Long Khanh Water Supply Joint - Stock Company

Tên viết tắt : LKWA

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
3600979223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/06/2019

VỐN ĐIỀU LỆ

25.000.000.000 đồng

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

25.000.000.000 đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

02Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: ((0251) 3877 241

Số Fax: (0251) 3783897

Email: capnuoclongkhanh@yahoo.com.vn

Website: www.capnuoclongkhanh.com.vn

Mã cổ phiếu: LKW

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Khai thác, lọc và phân phối nước

Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt công nghiệp
Phân phối nước sạch

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Theo dõi giám sát thi công, công trình thoát nước
Tư vấn đầu thầu

Sản xuất các cấu kiện kim loại

Chi tiết: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc
(không sản xuất tại trụ sở)

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp, thoát nước, trạm bơm
Lắp đặt ống cấp thoát nước trạm bơm



Xây dựng công trình công ích

Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy lợi

Thoát nước và xử lý nước thải

Chi tiết: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)

Xây dựng nhà các loại

Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm)

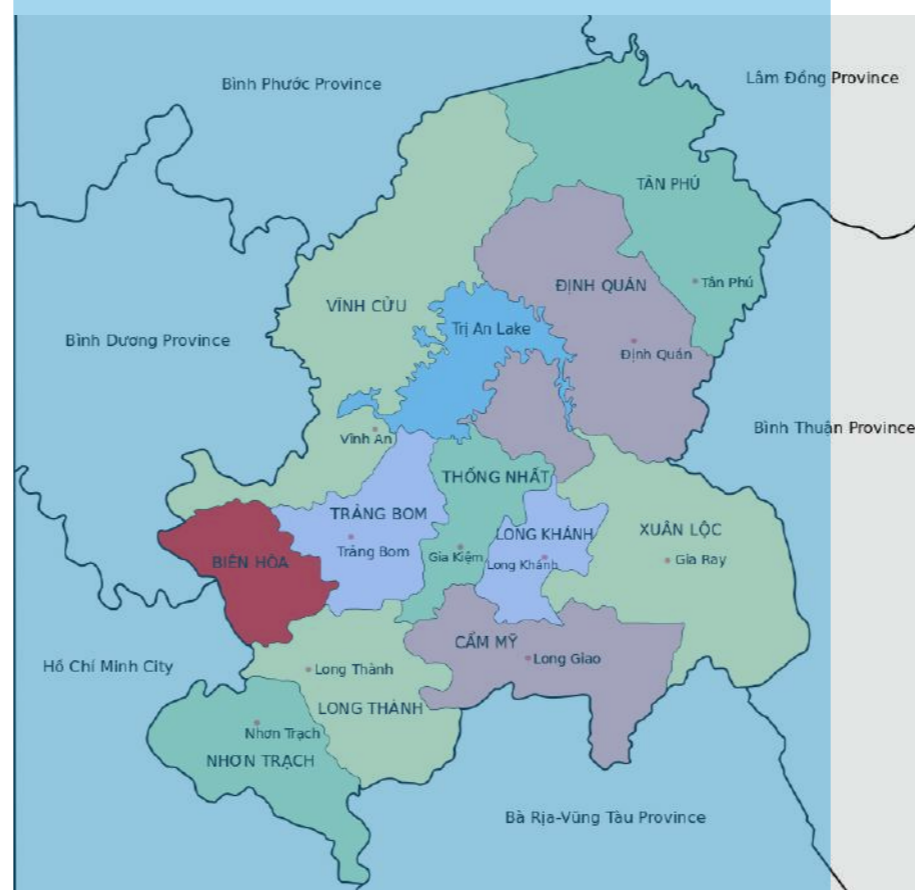


Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị ngành nước



Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn Thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh là Xí nghiệp nước Long Khánh

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chấp nhận lưu ký

Chính thức đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LKW

Công ty hoàn thành mục tiêu SXKD đề ra, doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 119,72% và 132,93% kế hoạch của ĐHCĐ, giảm tỷ lệ thất thoát nước chỉ còn 15,22% so với mức 16,50% năm 2019

Năm 2004

Năm 2008

Xí nghiệp nước Long Khánh được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh. Vốn điều lệ ban đầu là 25 tỷ đồng

Năm 2011

Năm 2012

Chính thức đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LKW

Năm 2017

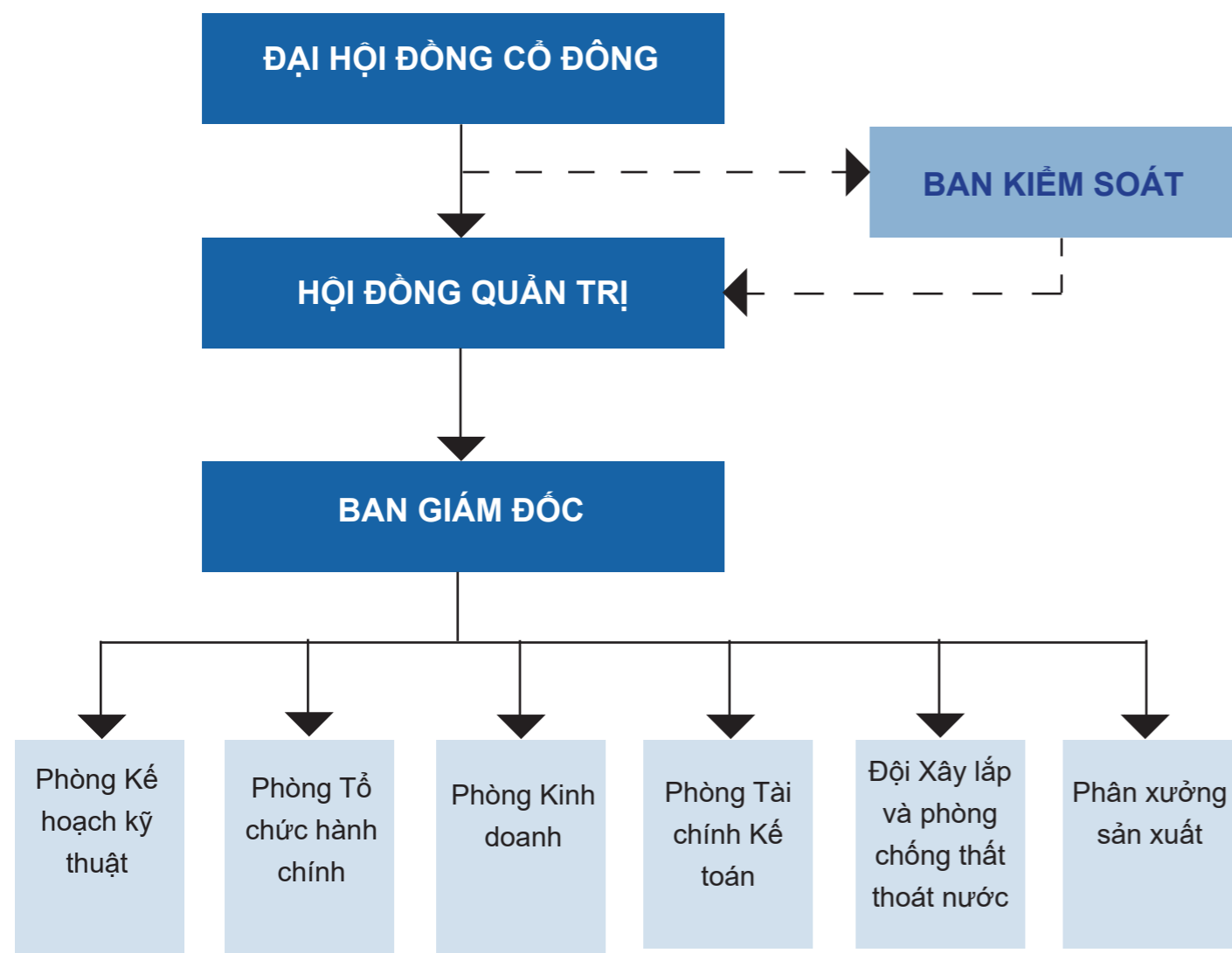
Năm 2019

Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở từ Thị xã Long Khánh thành Thành phố Long Khánh. Trở thành thành phố thuộc tỉnh, Long Khánh thu hút vốn đầu tư, diện tích khu công nghiệp gia tăng, từ đó góp phần làm tăng doanh thu cung cấp nước của Công ty

Năm 2020

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh không có công ty con và công ty liên kết



Chức năng các bộ phận phòng ban



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.



BAN GIÁM ĐỐC

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công trực tiếp của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về công việc của mình.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty, giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.



BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



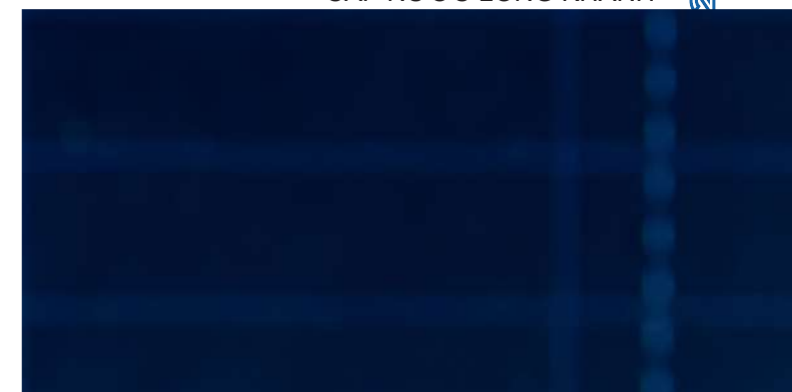
Mục tiêu, chiến lược cốt lõi

- ▶ Đáp ứng nhu cầu nước sạch của khách hàng và đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư; thực hiện các chiến lược kinh doanh hợp lý, tạo niềm tin cho nhà đầu tư, cổ đông, tạo ra môi trường đầu tư công bằng và hiệu quả. Duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện tại và mở rộng mạng lưới khách hàng mới.
- ▶ Nâng cao chất lượng nước cung cấp và hạn chế tình trạng thất thoát nước thông qua công tác theo dõi, kiểm tra, bảo trì và sửa chữa hệ thống đường ống, đồng hồ; hạn chế tác động xấu lên môi trường trong quá trình khai thác và sản xuất; sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn nước cũng như các nguồn nguyên nhiên liệu khác.
- ▶ Xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo nâng cao khả năng quản lý và trình độ chuyên môn của CBCNV; tập huấn việc sử dụng các công nghệ, kỹ thuật mới trong sản xuất; trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thiết bị bảo hộ lao động; tạo dựng môi trường lao động chuyên nghiệp và gắn kết tập thể.



Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- ▶ Việc bảo vệ môi trường vừa là nghĩa vụ vừa là quyền lợi của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ công ích nói chung và Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh nói riêng. Công ty đảm bảo chất lượng nguồn nước đầu vào đồng thời hạn chế tối đa những tác động tiêu cực lên môi trường xung quanh trong quá trình khai thác và sản xuất; nâng cao ý thức của CBCNV về bảo vệ môi trường, không để xảy ra tình trạng lãng phí nguồn nguyên vật liệu sản xuất; xử lý kịp thời các tác nhân gây ô nhiễm môi trường.
- ▶ Đi đôi với việc tạo ra lợi nhuận, Công ty cũng chú trọng đến trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua việc đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn của các sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng, tăng cường thực hiện các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ đời sống người dân, xây dựng và phát triển cộng đồng vững mạnh.



CÁC RỦI RO

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro chất lượng nguồn nước đầu vào

Tốc độ phát triển kinh tế với cường độ hoạt động công nghiệp, nông nghiệp ngày càng gia tăng đang đe dọa đến chất lượng môi trường tự nhiên, trong đó có môi trường nước. Chất thải công nghiệp chưa được xử lý triệt để, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu sử dụng trong nông nghiệp, chất thải sinh hoạt và ý thức kém của người dân trong việc xả thải ven các sông đã gây ra nhiều tác động tiêu cực cho nguồn nước ngầm tự nhiên, chất lượng nguồn nước đầu vào không còn đảm bảo.

Bên cạnh đó, hiện tượng trái đất nóng lên, hạn hán kéo dài cũng gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn cung nước sạch cho sản xuất. Trước tình trạng trên, để đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, Công ty chủ động đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị, áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng năng suất xử lý nước, tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế (QCVN 01-1:2018/BYT và Thông tư số 41/2018/TT-BYT), đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng.



Rủi ro pháp lý

Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý có liên quan khác. Ngoài ra, vì hoạt động trong ngành cung cấp nước nên các hoạt động của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng của Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 20/2014/QĐ – UBND ban hành ngày 23/05/2014 về giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất

lượng nguồn nước. Tuy nhiên, do hệ thống pháp lý Việt Nam vẫn còn chưa hoàn thiện và có nhiều thay đổi nên Công ty phải luôn chủ động tìm hiểu, cập nhật các điều chỉnh, sửa đổi của hệ thống Pháp luật để hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến Công ty và đưa ra các kế hoạch, chính sách hoạt động phù hợp với tình hình hiện tại.



Rủi ro thất thoát nước

Với đặc thù ngành cấp nước, LKW luôn phải đối mặt với rủi ro rò rỉ, thất thoát nước. Đây là rủi ro khó kiểm soát do nhiều nguyên nhân cấu thành: một là do rò rỉ tại các mối nối và các vết nứt vỡ trên hệ thống đường ống; hai là do Công ty bị đấu ống trái phép để trộm nước, khách hàng gian lận sử dụng nước sạch không qua đồng hồ. Việc tìm kiếm, phát hiện và khắc phục tình trạng rò rỉ, thất thoát mất nhiều thời gian, chi phí, gây lãng phí nguồn tài nguyên nước và có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những tác động do rủi ro này mang lại, Công ty đã sáp nhập đội xây lắp & phòng chống

thất thoát nước nhằm bổ sung nhân sự dò tìm tại các vị trí đầu nối đồng hồ khách hàng khu vực nội ô thành phố Long Khánh. Tiếp tục công tác phân vùng tách mạng khu vực phường Xuân Tân, theo dõi đánh giá cụ thể tỉ lệ thất thoát nước sau khi gắn đồng hồ tổng các tuyến đường khu vực Khu phố Cẩm Tân, phường Xuân Tân; kiểm tra đồng hồ khách hàng trên tuyến, lập kế hoạch thực hiện thay thế các đồng hồ cũ lâu năm và chạy không chính xác, cải tạo thay thế các tuyến ống rò rỉ và xi bết sang ống HDPE mới.



Rủi ro giá cả

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty phải chịu sự kiểm soát giá cả sản phẩm đầu ra theo quy định pháp luật. Giá bán nước sạch hiện tại do UBND tỉnh Đồng Nai quyết định, Công ty không thể chủ động điều chỉnh dù có bất kỳ sự biến động nào trong chi phí. Bên cạnh đó, các yếu tố đầu vào phục vụ cho việc sản xuất nước hầu hết đều tăng giá như điện năng, vật tư nguyên liệu và nhân công làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông. Do đó, để hạn chế rủi ro về giá và đảm bảo thực hiện được các mục tiêu lợi nhuận đã đề ra, Công ty phải xây dựng và thực hiện các chiến lược hoạt động hợp lý, kiểm soát chi phí đầu vào nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.



Rủi ro khác

Ngoài các yếu tố rủi ro kể trên, Công ty còn có thể gặp phải các rủi ro liên quan đến chính trị, xã hội, bệnh dịch, thiên tai,... làm ảnh hưởng đến kế hoạch hoạt động của Công ty. Để giảm thiểu mức độ tác động của các yếu tố rủi ro này, Công ty luôn chủ động xây dựng và thực hiện các phương án, giải pháp ứng phó kịp thời.



2

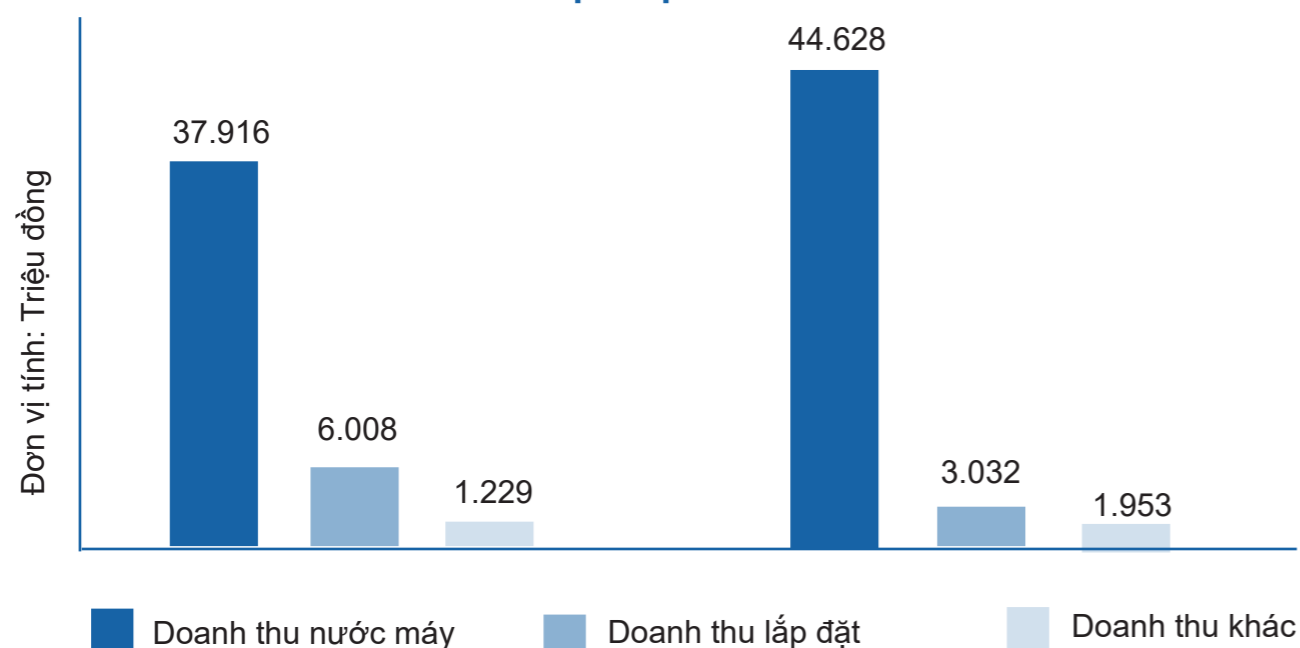
Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020

- Tình hình sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và vốn chủ sở hữu
- Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH 2020/ KH 2020 (%)	TH 2020/ TH 2019 (%)
Sản lượng nước sản xuất	1000 m ³	5.214	5.330	5.962	111,86	114,35
Sản lượng ghi thu	1000 m ³	4.354	4.477	5.055	112,91	116,10
Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,50	16,00	15,22	Giảm 0,78	Giảm 1,28
Tổng doanh thu	Tr.đồng	45.153	41.430	49.600	119,72	109,85
<i>Doanh thu nước máy</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>37.916</i>	<i>38.510</i>	<i>44.628</i>	<i>115,89</i>	<i>117,70</i>
<i>Doanh thu lắp đặt</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>6.008</i>	<i>2.000</i>	<i>3.032</i>	<i>151,60</i>	<i>50,47</i>
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>324</i>	<i>420</i>	<i>356</i>	<i>84,82</i>	<i>109,88</i>
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>752</i>	<i>500</i>	<i>1.255</i>	<i>251,00</i>	<i>166,89</i>
<i>Thu nhập khác</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>153</i>	<i>-</i>	<i>329</i>	<i>-</i>	<i>215,03</i>
Tổng chi phí	Tr.đồng	33.393	30.041	34.567	115,07	103,52
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.760	11.389	15.033	131,99	127,83
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.387	10.163	13.807	135,86	132,93

DOANH THU TỪNG HOẠT ĐỘNG



Hoạt động sản xuất nước

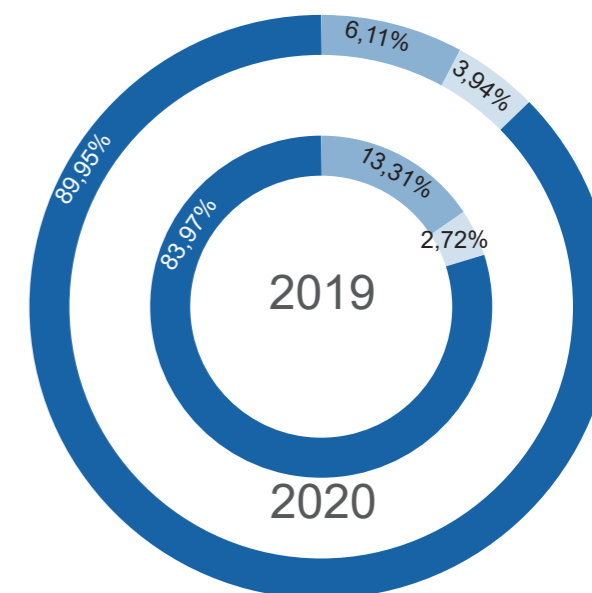
Trong năm 2020, sản lượng nước sản xuất đạt 5.962 nghìn m³, vượt 11,86% so với kế hoạch đề ra và tăng 14,35% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng ghi thu đạt 5.055 nghìn m³, vượt 12,91% so với mục tiêu và tăng 16,10% so với cùng kỳ. Nhờ các công tác lấy mẫu nước và kiểm tra định kỳ, chất lượng sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo vệ sinh, an toàn theo quy định của Bộ Y tế, mạng lưới khách hàng ngày càng mở rộng (890 khách hàng mới trong năm 2020)

giúp doanh thu cung cấp nước đạt 44,63 tỷ đồng, tương đương 115,89% kế hoạch và tăng 17,70% so với năm 2019. Bên cạnh đó, các hoạt động chống thất thoát nước cũng mang lại hiệu quả khi tỷ lệ thất thoát giảm còn 15,22%, tương đương giảm 1,28% so với năm 2019 làm lợi nhuận tăng lên đáng kể, cụ thể lợi nhuận sau thuế đạt 13,81 tỷ đồng, tăng 32,93% so với cùng kỳ năm 2019.

Hoạt động thi công xây lắp

Doanh thu từ hoạt động xây lắp trong năm 2020 giảm một nửa so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 3.032 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả này đã hoàn thành mục tiêu 2 tỷ đồng đề ra ban đầu, tương ứng đạt 151,60%. Một số công trình đã được đưa vào hoạt động trong năm 2020 gồm:

- Phát triển tuyến ống cấp nước đường N9, D2 KCN Long Khánh (giai đoạn 1);
- Gói thầu số 526: Thi công phát triển tuyến ống cấp nước phân đoạn các tuyến đường N1, N5, D2, D6 thuộc công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Khánh do Công ty cổ phần KCN Long Khánh làm chủ đầu tư; đấu nối, xúc xả;
- Tiếp nhận quản lý khai thác hệ thống tuyến ống cấp nước Khu Tái định cư phường Bào Vinh giai đoạn 2 do Ban Quản lý Dự án thành phố Long Khánh làm chủ đầu tư;
- Thi công lắp đặt 05 đồng hồ D50, 01 đồng hồ D100 tại Khu công nghiệp Long Khánh; 02 đồng hồ D50 và 02 đồng hồ D100 tại KCN Suối Tre, thành phố Long Khánh.



CƠ CẤU DOANH THU

Hoạt động khác

Ngoài hoạt động chính là cung cấp nước sạch và dịch vụ xây lắp thì Công ty còn có nguồn doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản, hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Mọi tài sản và nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và đóng góp khoảng 4% trong tổng doanh thu Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Quang Minh	Thành viên
3	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
4	Huỳnh Trường An	Thành viên
5	Đào Quý Tính	Thành viên

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN CAO HÀ

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT không chuyên trách
Ngày sinh: 15/10/1971
Quê quán: Quảng Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính;
 Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý

Chức vụ tại tổ chức khác

- Trưởng nhóm đại diện vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
Số cổ phần nắm giữ: Đại diện sở hữu cho Công ty CP Cấp nước Đồng Nai: 450.000 cổ phần - chiếm 18% VĐL
 Sở hữu: 27 cổ phần – chiếm 0,001% VĐL

Ông NGUYỄN QUANG MINH

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ngày sinh: 18/04/1980
Quê quán: Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
Chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: 350.000 cổ phiếu – chiếm 14% VĐL
 Sở hữu cá nhân: 2.236 cổ phần - chiếm 0,09% VĐL

Ông NGUYỄN VĂN HÒA

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Ngày sinh: 22/03/1968
Quê quán: Quảng Trị
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai 225.000 cổ phần - chiếm 9% VĐL
- Đại diện sở hữu cho Công đoàn 25.000 cổ phần - chiếm 1% VĐL
- Sở hữu cá nhân 6.600 cổ phần - chiếm 0,264% VĐL

Ông HUỠNH TRƯỜNG AN

Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 17/04/1982
Quê quán: Bình Định
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: Không

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông
ĐÀO QUÝ
TÍNH

Chức vụ: Thành viên HĐQT
 Ngày sinh: 01/04/1964
 Quê quán: Hưng Yên
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc công ty TNHH Thanh Sơn Tính
 Số cổ phần nắm giữ: Sở hữu cá nhân: 130.000 cổ phiếu - chiếm 5,2% VDL

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Minh	Giám đốc
2	Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc
4	Lê Văn Anh	Kế toán trưởng

Lý lịch Ban điều hành

Ông
NGUYỄN
VĂN VĨNH

Chức vụ: Phó Giám đốc
 Ngày sinh: 12/12/1971
 Quê quán: Bắc Thái
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ: Sở hữu cá nhân: 3.600 cổ phiếu - chiếm 0,14% VDL

Ông
LÊ VĂN ANH

Chức vụ: Kế toán trưởng
 Ngày sinh: 01/01/1962
 Quê quán: Quảng Bình
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ: Sở hữu cá nhân: 2.381 cổ phiếu - chiếm 0,10% VDL

Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban
2	Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên
3	Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên

Lý lịch Ban Kiểm soát

Bà
NGUYỄN THỊ
HỒNG CHÂU

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
 Ngày sinh: 05/05/1984
 Quê quán: Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ: Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai: 200.000 cổ phiếu - chiếm 8% VDL

Bà
ĐOÀN THỊ
VI VÂN

Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát
 Ngày sinh: 27/12/1983
 Quê quán: Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ: Không

Ông
TRẦN
HOÀNG ANH
PHƯƠNG

Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát
 Ngày sinh: 20/03/1992
 Quê quán: Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
 Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
 Số cổ phần nắm giữ: Đại diện sở hữu cho Công ty CP Cấp nước Đồng Nai: 50.000 cổ phiếu - chiếm 2% VDL

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tình hình thay đổi nhân sự năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/04/2020
2	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm ngày 24/04/2020
3	Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24/04/2020
4	Nguyễn Quang Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	Từ nhiệm ngày 24/04/2020

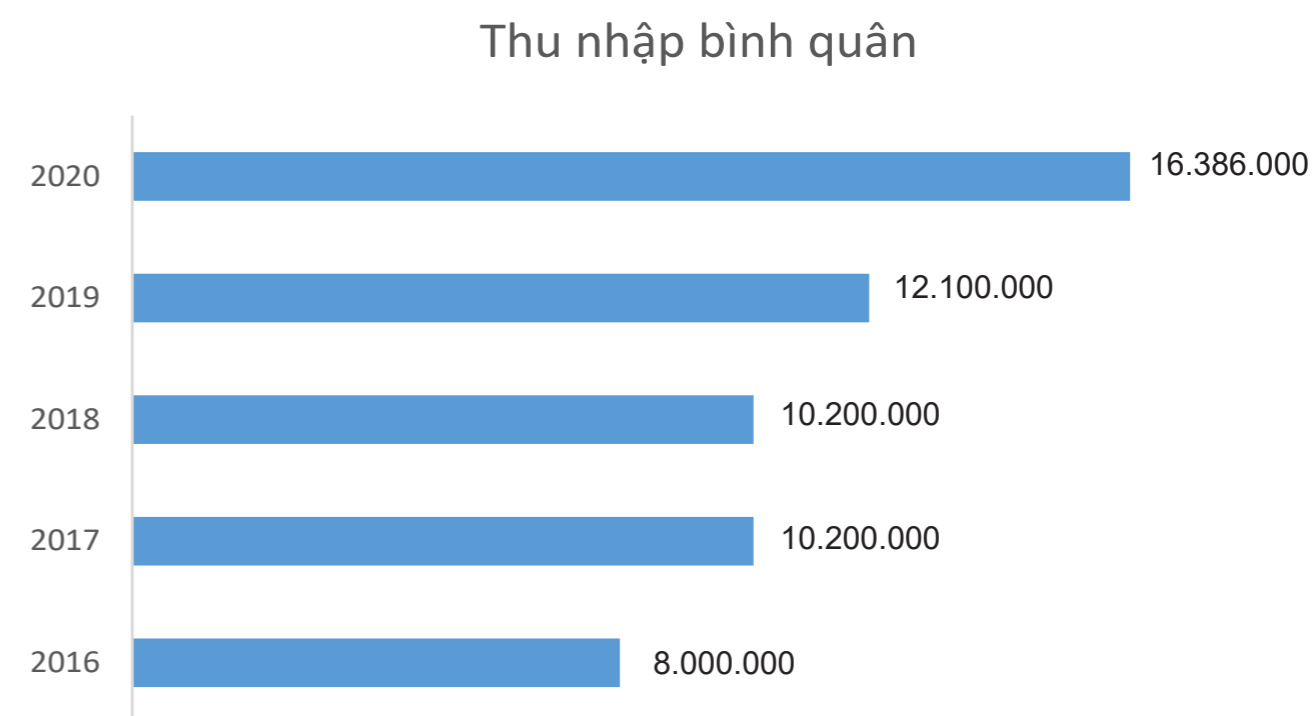
Số lượng cán bộ và nhân viên

Tính đến hết ngày 31/12/2020, tổng số lao động là 67 người, cụ thể:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	67	100%
1	Đại học	32	47,76
2	Cao đẳng	3	4,48
3	Khác	32	47,76
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	67	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	2	2,99
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	64	95,52
3	Hợp đồng thử việc	1	1,49



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/người/tháng)



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn chú trọng, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật Nhà nước về Luật Lao động, tạo điều kiện để nhân viên Công ty được hưởng các chế độ, chính sách của Nhà nước một cách đầy đủ nhất. Công ty thực hiện chính sách chi trả tiền lương căn cứ vào bảng lương theo quy định, đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu của vùng theo Nghị định Chính phủ, ngoài ra, các chính sách về thưởng được căn cứ trên mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân.

100% người lao động được ký hợp đồng lao động và được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp. Dựa vào tình hình hoạt động trong năm và kết quả kinh doanh mà Công ty sẽ có các chính sách đãi ngộ, lương, thưởng phù hợp để khích lệ, thúc đẩy năng suất làm việc và giữ chân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng có nhiều chính sách trợ cấp cho các hoàn cảnh khó khăn, thưởng nhân viên các dịp lễ, tết, thăm hỏi khi gia đình có ma chay, hiếu hỷ,...



Chính sách đào tạo

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành ngày càng trở nên gay gắt, đòi hỏi lực lượng lao động phải nỗ lực để đáp ứng nhu cầu cạnh tranh và phát triển của Công ty. Người lao động được tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, cải thiện khả năng quản lý,... để kịp thời cập nhật những thay đổi cũng như nâng cao nghiệp vụ, hiệu quả lao động. Trong năm 2020 Công ty đã tổ chức cho toàn thể CBCNV tham gia lớp học giao tiếp khách hàng và Các cán bộ tham gia lớp học “tư duy lãnh đạo”.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

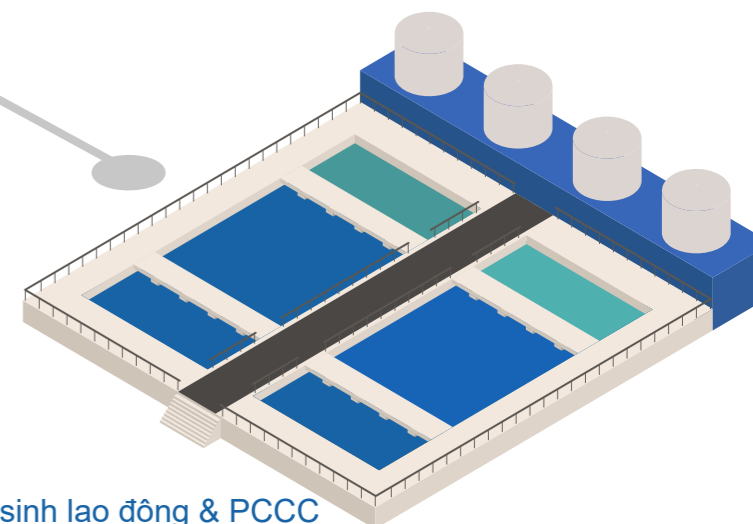
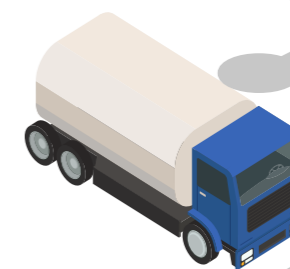
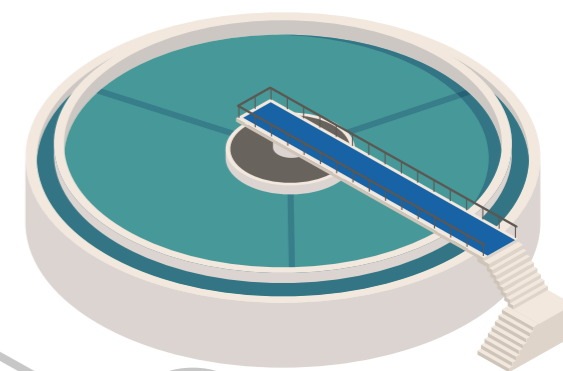
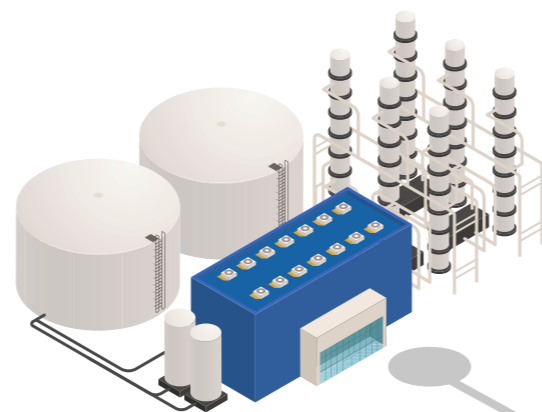
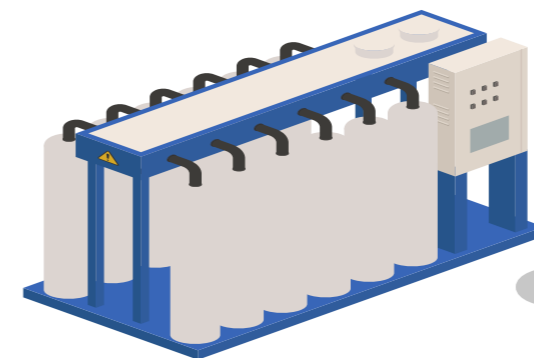
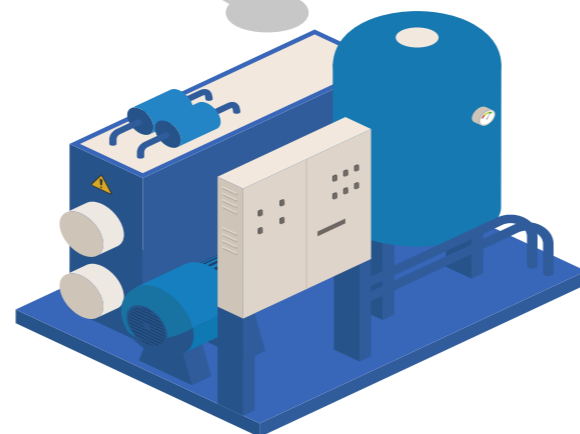
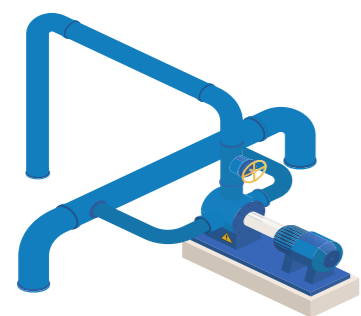
Chính sách nhân sự

Công tác bảo hộ lao động

Để đảm bảo việc thực hiện các công tác an toàn lao động, Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, hướng dẫn sử dụng và tuyên truyền tầm quan trọng của việc bảo hộ lao động.

Công tác an toàn lao động

An toàn lao động là một trong những yếu tố được quan tâm hàng đầu với toàn bộ doanh nghiệp trong tất cả các ngành nghề. Việc bảo đảm an toàn lao động không chỉ hạn chế được những thiệt hại về người, tài sản mà còn giúp doanh nghiệp tạo được niềm tin, uy tín đối với người lao động và cộng đồng. Công ty luôn đảm bảo thực hiện kiểm tra định kỳ các thiết bị, đường dây điện tại các trạm bơm, văn phòng làm việc; trang bị đầy đủ nón bảo hộ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy và xây dựng các rào chắn, bảng hiệu thi công để đảm bảo an toàn cho nhân viên Công ty và cả người dân xung quanh; thành lập ban an toàn vệ sinh lao động, huấn luyện, trang bị các kỹ năng cơ bản cũng như tuyên truyền việc chấp hành tốt các quy định về an toàn lao động tại nơi làm việc.



LKWA

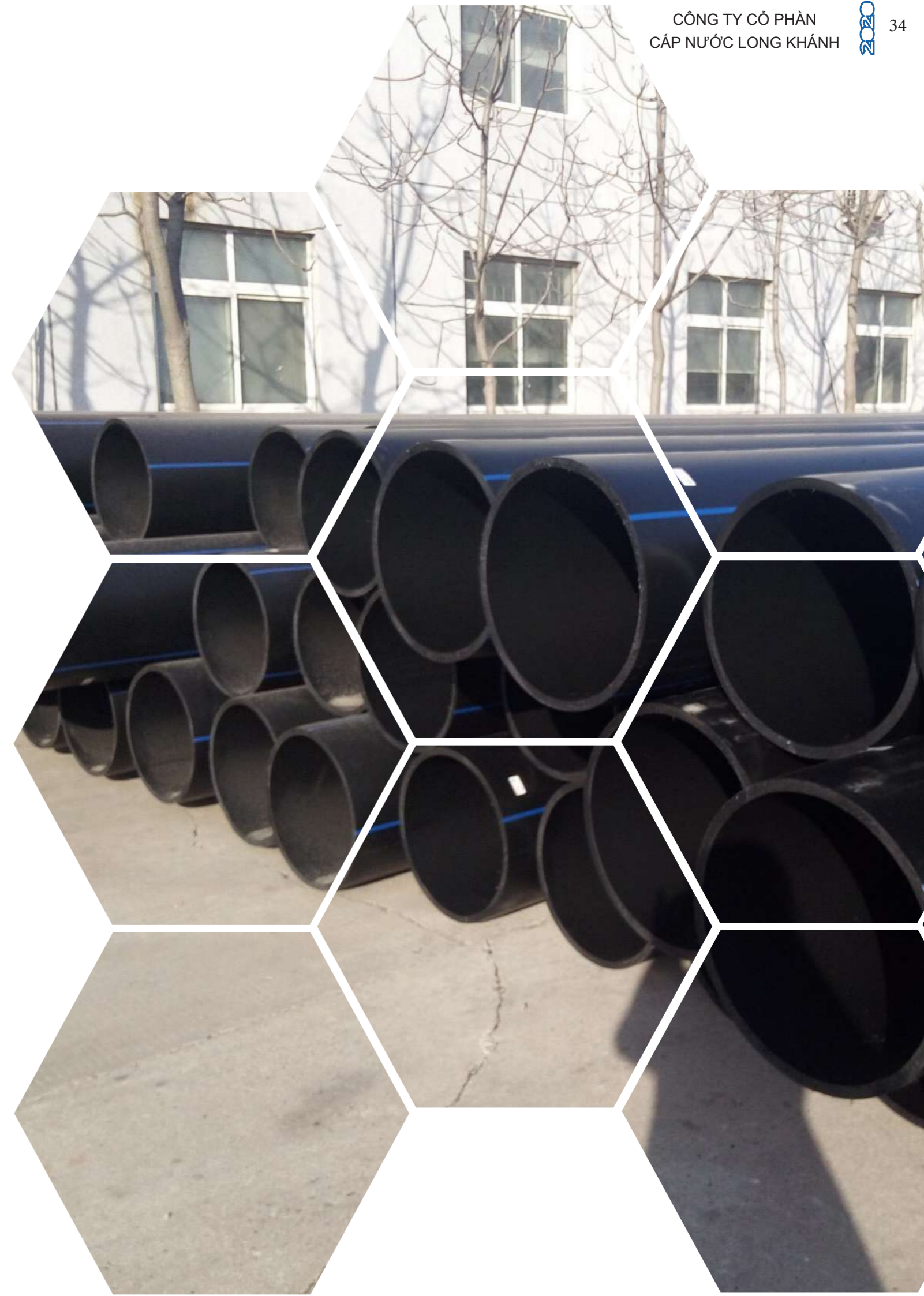
Công tác An ninh quốc phòng – An toàn – Vệ sinh lao động & PCCC

Công ty chú trọng quan tâm công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, thường xuyên kiểm tra trụ cứu hoả đảm bảo cấp nước phục vụ chữa cháy 24/24 giờ trên địa bàn thành phố Long Khánh; tham gia thực hiện kế hoạch “Tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Long Khánh năm 2020” do Ủy Ban Nhân Dân thành phố Long Khánh tổ chức; thực hiện kiểm tra các trụ phòng cháy chữa cháy định kỳ năm 2020; tham gia diễn tập và hội thi PCCC tại phòng cảnh sát PCCC số 02 thành phố Long Khánh. Lực lượng dân quân tự vệ Công ty tham gia huấn luyện tại Ban Chỉ Huy Quân sự thành phố Long Khánh. Trong năm 2020 tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, trong Công ty an toàn, ổn định, đảm bảo an toàn nguồn nước phục vụ tốt cho sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Công trình xây dựng cơ bản thực hiện trong năm 2020

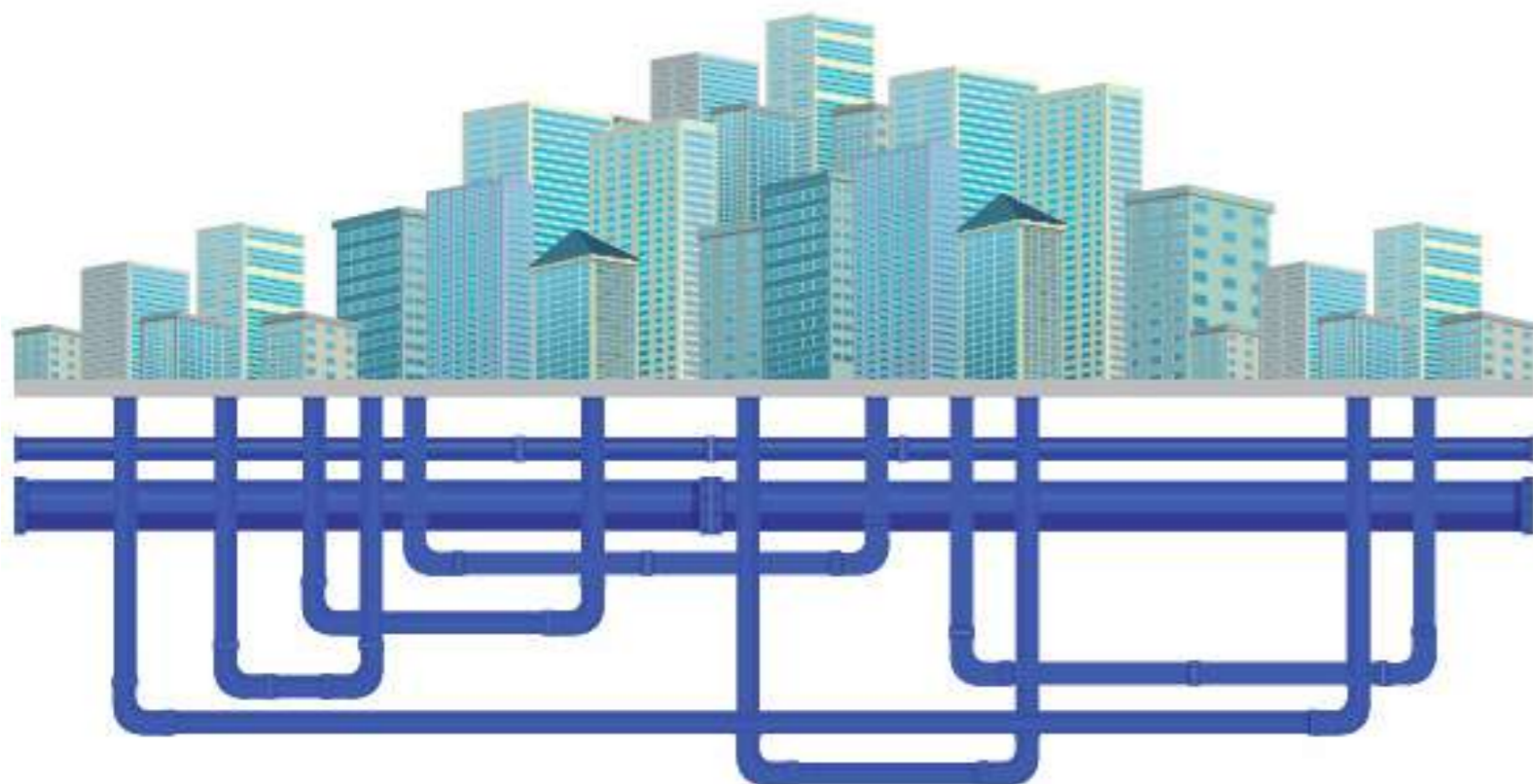
STT	Tên công trình
1	Thực hiện công tác xúc xả tuyến ống cấp nước, kiểm tra toàn bộ các trụ cứu hỏa và thực hiện công tác điều áp phục vụ cung cấp nước đầy đủ và ổn định cho nhân dân trong dịp tết Nguyên Đán Canh Tý 2020 và cao điểm mùa khô
2	Khảo sát, thiết kế, thẩm tra hồ sơ và thực hiện thi công đưa vào sử dụng các công trình cải tạo sửa chữa thay thế các tuyến ống gang, ống sắt tráng kẽm sử dụng lâu năm thường xuyên xì bể, nằm dưới lòng đường bằng ống HDPE trên địa bàn nội ô thành phố Long Khánh gồm các tuyến đường: Hẻm 662 đường 21 tháng 4, Hẻm 6&18 đường Lê Hữu Trác phường Phú Bình và Hẻm 1 đường Hai Bà Trưng & đường Tô Hiến Thành phường Xuân Bình
3	Hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Trạm bơm giếng khoan Núi Tung công suất 800m ³ /ngày đêm tại Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre; giếng khoan số 01&02 công suất 1.700 m ³ /ngàyđêm tại Khu công nghiệp Long Khánh; giếng khoan công suất 600 m ³ /ngàyđêm tại UBND xã Bảo Quang; 01giếng khoan công suất 600 m ³ /ngàyđêm tại Khu phố 3 phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh và lắp đặt và đấu nối vào tuyến ống hiện hữu trong khu vực
4	Trong năm đã lắp đặt hệ thống biến tần điện cho 7 trạm bơm thay thế hệ thống tủ điện điều khiển cũ; thay thế 24 máy bơm định lượng châm hóa chất mới thay thế các máy bơm thế hệ cũ chạy không ổn định và khó vận hành; lắp đặt bơm tăng áp tại Khu công nghiệp Suối Tre, trên tuyến ống đường 21 tháng 4 (trạm bơm số 7) thành phố Long Khánh; xây dựng tường rào tại Trạm bơm Giếng Xuân Tân, Trạm bơm giếng xã Bảo Quang
5	Nhà thầu thi công hoàn thành đưa vào sử dụng công trình: Cải tạo và phát triển tuyến ống cấp nước đường Hàm Nghi (từ Trạm bơm Số 10 đến UBND xã Bảo Quang) thành phố Long Khánh
6	Công ty phối hợp cùng các hộ dân đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE D75 đường Nguyễn Văn Trỗi, Hẻm bệnh viện Ái Nghĩa đường Hồ Thị Hương và Hẻm 133 đường Nguyễn Thị Minh Khai; tuyến ống cấp nước HDPE D63 Hẻm Khu Tái Định phường Bảo Vinh, Hẻm 194 & Hẻm 211 đường Thích Quảng Đức, Hẻm đường Số 3 khu phố Núi Tung phường Suối Tre, Hẻm đường Võ Duy Dương phường Xuân Bình; Hẻm 140 đường Nguyễn Tri Phương; Hẻm 09 Đường 21 tháng 4 phường Xuân Tân; Hẻm 199 đường Nguyễn Trãi phường Xuân Hòa; Hẻm 188 đường Duy Tân, phường Bảo Vinh; Hẻm 64 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Hẻm 408 đường 21/4, phường Phú Bình
7	<p>Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tuyến ống cấp nước HDPE D63 với tổng chiều dài: 1.275 mét. Tuyến ống cấp nước HDPE D75 với tổng chiều dài: 3.050 mét. Tuyến ống cấp nước HDPE D110 với tổng chiều dài: 3.024 mét. Tuyến ống cấp nước HDPE D160 với tổng chiều dài: 2.314 mét.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Công trình thi công xây lắp thực hiện trong năm 2020

STT	Tên công trình
1	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng công trình: Phát triển tuyến ống cấp nước đường N9, D2 Khu Công Nghiệp Long Khánh (giai đoạn 1), Gói thầu số 526: Thi công phát triển tuyến ống cấp nước phân đoạn các tuyến đường N1, N5, D2, D6 thuộc công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Khánh do Công ty cổ phần Khu Công Nghiệp Long Khánh làm chủ đầu tư; đấu nối, xúc xả và tiếp nhận quản lý khai thác hệ thống tuyến ống cấp nước Khu Tái định cư phường Bào Vinh giai đoạn 2 do Ban Quản lý Dự án thành phố Long Khánh làm chủ đầu tư
2	Thi công lắp đặt 05 đồng hồ D50, 01 đồng hồ D100 tại Khu công nghiệp Long Khánh; 02 đồng hồ D50 và 02 đồng hồ D100 tại Khu công nghiệp Suối Tre, thành phố Long Khánh



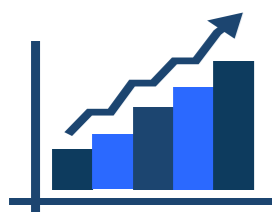
Công trình xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2021

STT	Tên công trình
1	Đầu tư cải tạo thay thế các tuyến ống cũ đã sử dụng lâu năm thường xuyên bị xì bể, nằm dưới lòng đường và phát triển mới các tuyến ống cấp nước gồm: Cải tạo thay thế tuyến ống cấp nước gang D100 sang ống HDPE Hẻm 516 đường Hùng Vương, đường Mạc Đình Chi, Cải tạo tuyến ống cấp nước PVC D49 cũ sang ống HDPE D110 tại ngã ba Thái Lan; Phát triển tuyến ống cấp nước HDPE đường Lý Tự Trọng, đường Ngô Gia Tự, đường Châu Văn Liêm, đường Hoàng Văn Thụ, đường Phan Đăng Lưu, đường Hà Huy Giáp, đường Ngô Quyền - Phường Xuân Thanh, Khu dân cư Núi Tung - Bên trái đường số 5 + đường số 6, đường Điều Xiển (từ ngã ba đường Điều Xiển đến Miếu Bà), đường Trần Nhân Tông (từ Khu tái định cư đến cầu), Khu vực áp 18 Gia đình - xã Bảo Quang; Cải tạo, mở rộng và phát triển tuyến ống cấp nước đường Duy Tân (từ ngã ba Ông Phúc đến hẻm Chùa)
2	Đầu tư 02 giếng khoan cấp nước khu vực áp Trung Tâm xã Xuân Lập; cải tạo sửa chữa thay thế các tuyến ống nhánh sắt tráng kẽm của khách hàng sử dụng lâu năm thường xuyên xì bể sang ống HDPE trên địa bàn nội ô thành phố Long Khánh; Phối hợp với các hộ dân và chính quyền địa phương thỏa thuận mặt bằng thi công, ưu tiên thi công các tuyến đường có kế hoạch cải tạo nâng cấp, làm mới đường theo hình thức xã hội hóa giao thông nhằm tranh thủ sự thuận lợi trong công tác giải phóng và hoàn trả mặt bằng thi công, đồng thời tranh thủ được sự đồng thuận của các hộ dân sẽ giảm được chi phí đầu tư
3	Lắp đặt hệ thống biến tần điện, điều khiển tự động cho các trạm bơm thay thế dần các hệ thống tủ điện điều khiển cũ; máy bơm định lượng châm hóa chất mới thay thế các máy bơm thế hệ cũ chạy không ổn định và khó vận hành
4	Đầu tư trang bị phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước GIS & hệ thống SCADA quản lý giám sát các trạm bơm giếng khoan cấp nước

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/ giảm so với 2019 (%)
Tổng tài sản	Tr.đồng	54.869	63.574	15,87
Doanh thu thuần	Tr.đồng	44.248	48.015	8,51
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	11.734	14.856	26,60
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	26,00	177,00	580,77
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.760	15.033	27,83
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.387	13.807	32,93
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	2.832	3.765	32,94
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	15 (dự kiến)	-

Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty đều đạt mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước



Tổng tài sản tăng 15,87% so với tổng tài sản đầu năm, chủ yếu là sự gia tăng đầu tư tài chính ngắn hạn với các khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,60% đến 4,50%/năm. Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 10 tỷ đồng (tương đương tăng hơn 60%) nhờ Công ty nhận tiền chuyển khoản từ khách hàng, trong năm 2020 số lượng khách hàng sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Công ty tăng thêm 890 khách hàng, giá nước bình quân tăng 120 đồng so với năm 2019.

Trong năm 2020, Công ty đã định kỳ thực hiện kiểm tra, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp hệ thống đường ống, máy móc thiết bị, đồng hồ giúp đảm bảo nhu cầu nước sạch và chất lượng nước cung cấp cho khách hàng; thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế tình trạng thất thoát nước; mở rộng mạng lưới khách hàng (890 khách hàng mới trong năm 2020) nhờ đó mà doanh thu của Công ty có sự tăng trưởng đạt 48,02 tỷ đồng, tương đương tăng 8,51% so với cùng kỳ năm 2019.



Lợi nhuận hoạt động kinh doanh năm 2020 tăng 26,60% so với năm 2019, đạt 14,86 tỷ đồng nhờ phát huy hiệu quả các biện pháp phòng chống thất thoát nước, thực hiện tốt công tác ghi thu và thu tiền nước, kiểm soát các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động, tỷ lệ thất thoát giảm chỉ còn 15,22% so với mức 16,50% của năm 2019. Lợi nhuận từ các hoạt động cho thuê tài sản và hoạt động tài chính cũng tăng gần 7 lần, đồng thời thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cũng giảm 30% theo Nghị quyết 116, Nghị định 114/2020/NĐ-CP ban hành ngày 25/09/2020 do đó lợi nhuận trước thuế năm 2020 tăng 27,83% và lợi nhuận sau thuế tăng 32,93% so với cùng kỳ 2019.

Do doanh thu, lợi nhuận trong năm tăng nên lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cũng tăng 32,94%, từ 2.832 đồng/cổ phiếu lên 3.765 đồng/cổ phiếu.

Các chỉ tiêu tài chính

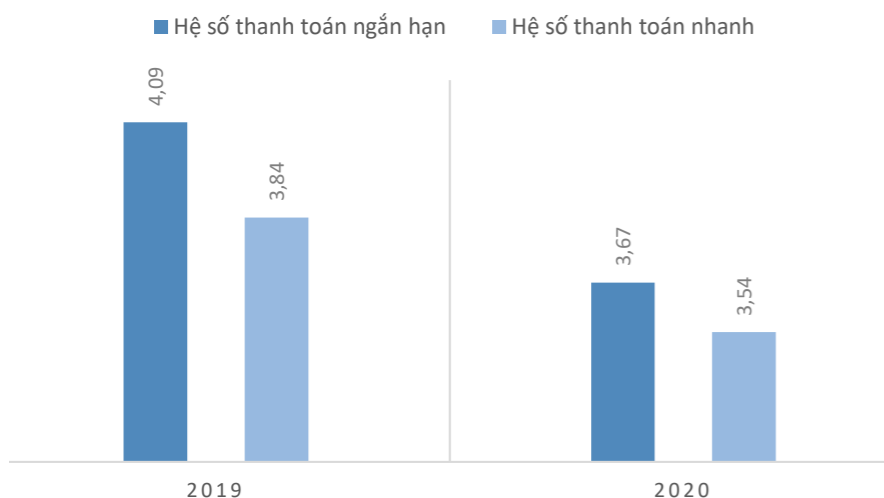
Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,09	3,67
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,84	3,54
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,45	13,46
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	12,92	15,56
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,65	15,24
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,86	0,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,47	28,76
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	22,65	26,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	20,28	23,31
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	26,52	30,94

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

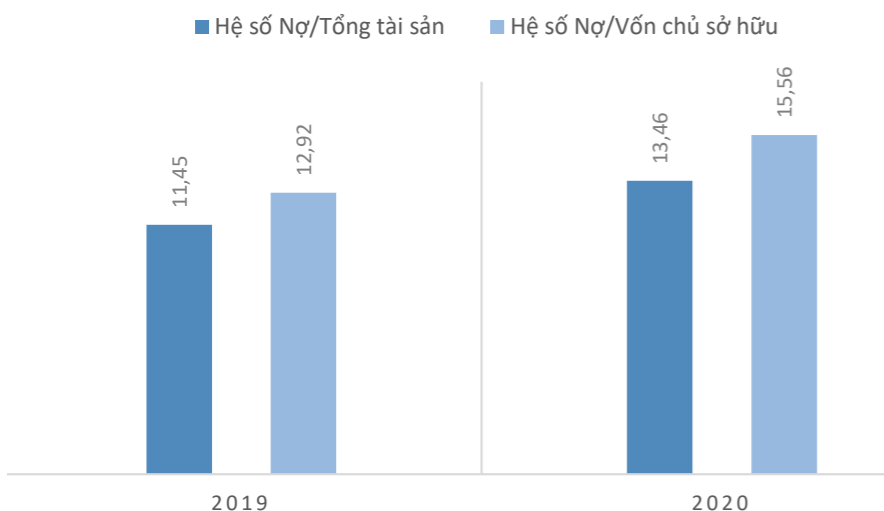


Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2020 đều giảm. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 10,27% còn 3,67 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm 7,81% còn 3,54 lần. Do đặc thù của ngành là nhận tiền mặt và chuyển khoản của khách hàng nên 93% trong tài sản ngắn hạn của Công ty là tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn. Trong năm 2020, Công ty có thêm 890 khách hàng mới và giá nước bình quân tăng 120 đồng nên khoản đầu tư tài chính ngắn hạn gồm tiền gửi ngân hàng tăng 10 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn tăng 22,37%.

Trong khi các chi phí dành cho người lao động như lương, thưởng, đồng phục Công ty,... tăng làm nợ ngắn hạn tăng 36,30%. Có thể thấy mức tăng của nợ ngắn hạn cao hơn tài sản ngắn hạn, do đó các chỉ số về khả năng thanh toán đều giảm. Ngoài ra, Công ty không sử dụng nợ vay và tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình hoàn toàn bằng vốn tự có.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



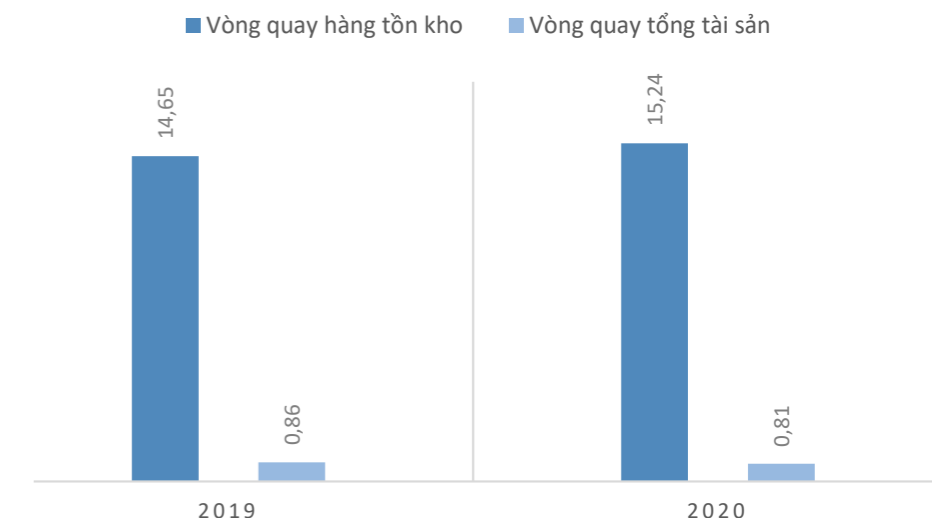
Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều có xu hướng tăng. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản là 13,46%, tăng 17,55% so với cùng kỳ năm 2019, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 15,56%, tương đương tăng 20,43%. Công ty không có nợ dài hạn và không sử dụng nợ ngân hàng, các khoản nợ năm 2020 tăng 36,30% chủ yếu là các khoản chi cho người lao động như chi phí đồng phục và lương, thưởng nhờ đạt kết quả hoạt động tốt.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho năm 2020 là 15,24 vòng, tăng 0,59 vòng so với cùng kỳ dù giá vốn hàng bán và hàng tồn kho bình quân đều giảm. Giá vốn dịch vụ cấp nước tăng gần 2 tỷ đồng, tương ứng tăng 12,96% do lượng nước sản xuất trong năm tăng so với cùng kỳ 2019, tuy nhiên dịch vụ lắp đặt trong năm 2020 giảm một nửa so với năm ngoái, do đó nhìn chung giá vốn hàng bán của hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ giảm khoảng 4%. Trong khi đó hàng tồn kho gồm các nguyên vật liệu sản xuất, lắp đặt giảm 26,83%, mức giảm này làm chỉ số Vòng quay hàng tồn kho tăng so với chỉ số của năm 2019, cho thấy công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty đang diễn ra khá tốt.

Năm 2020, vòng quay tổng tài sản giảm 0,05 vòng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do mức tăng của doanh thu thuần là 8,50% do hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, tuy nhiên mức tăng của Tổng tài sản là 15,86%, cao hơn mức tăng của doanh thu thuần. Nhìn chung, vòng quay tổng tài sản không thay đổi nhiều qua các năm, cho thấy hoạt động của Công ty đang diễn ra ổn định.

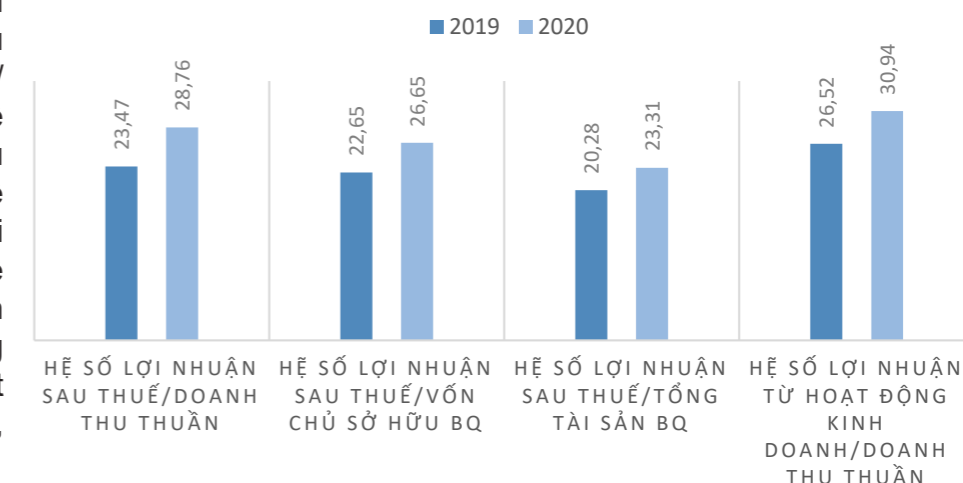
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỢI

Các chỉ số trong năm 2020 đều tăng so với cùng kỳ 2019. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng 5,29%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng 4%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng 3,03%, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng 4,42% nhờ Công ty thực hiện tốt công tác sản xuất, quản trị rủi ro, kiểm soát thất thoát và chi phí,



đồng thời các dự án, công trình đầu tư đã đi vào hoạt động như công trình Trạm bơm giếng khoan Núi Tung công suất 800m³/ngày đêm tại Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre; giếng khoan số 01&02 công suất 1.700 m³/ngày đêm tại Khu công nghiệp Long Khánh; giếng khoan công suất 600 m³/ngày đêm tại UBND xã Bảo Quang; giếng khoan công suất 600 m³/ngày đêm tại Khu phố 3 phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh,..., số lượng khách hàng sử dụng sản phẩm và dịch vụ cũng tăng lên 890 khách hàng, giá bán nước bình quân tăng 120 đồng, giúp tăng năng suất, doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ	:	25.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	2.500.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	2.500.000 cổ phiếu

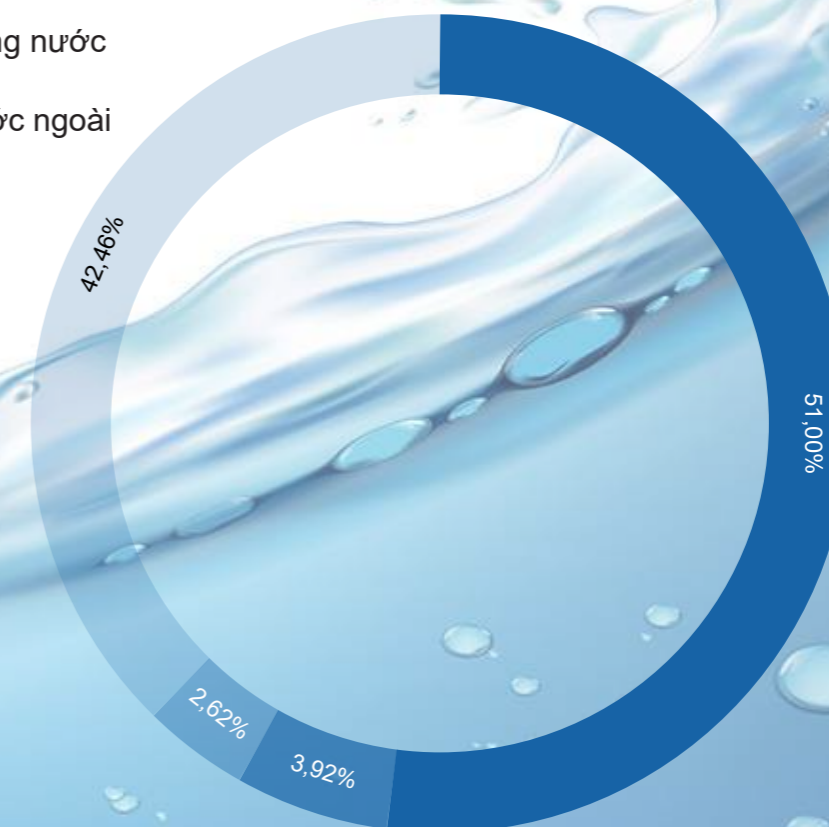
Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông nhà nước	1.275.000	51,00
II	Cổ đông nhà đầu tư chiến lược	98.000	3,92
III	Cổ đông trong nước	1.061.600	42,46
1	Cá nhân	1.036.600	41,46
2	Tổ chức	25.000	1,00
IV	Cổ đông nước ngoài	65.400	2,62
1	Cá nhân	0	0
2	Tổ chức	65.400	2,62
Tổng cộng		2.500.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	1.275.000	51,00%
2	Nguyễn Thị Hoàng Diệp	147.000	5,88%
3	Đào Quý Tính	130.000	5,20%
Tổng cộng		1.552.000	62,08%

- Cổ đông nhà nước
- Cổ đông nội bộ
- Cổ đông trong nước
- Cổ đông nước ngoài



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nhiều hóa chất được sử dụng trong quá trình xử lý nguồn nước, do đó Công ty luôn đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định về sử dụng và bảo quản hóa chất, tránh để xảy ra tình trạng hóa chất bị biến tính, lạm dụng hóa chất, gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ và ô nhiễm môi trường.

Quản lý chất lượng nước cung cấp

Để giữ vững uy tín thương hiệu và đảm bảo an toàn vệ sinh cho người tiêu dùng trong bối cảnh nguồn nước sạch đang dần trở nên khan hiếm, chất lượng nguồn nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng, Công ty luôn chủ động đầu tư nâng cấp, cải tiến máy móc, thiết bị và thực hiện kiểm duyệt nguồn nước thường xuyên, đảm bảo sản phẩm đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện tuyên truyền, giáo dục về tầm quan trọng của môi trường và tác hại của việc xả rác trực tiếp ra môi trường cho CBCNV Công ty và cộng đồng địa phương, kèm theo việc triển khai các hành động bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường. Trong năm 2020, 100% số mẫu nước do Công ty cung cấp đều đạt các chỉ tiêu của Bộ Y tế về chỉ số Lý hóa và Vi sinh.



Quản lý hoạt động chống thất thoát nước

Công ty luôn ưu tiên và duy trì liên tục công tác chống rò rỉ gây thất thoát, thiệt hại và lãng phí nguồn tài nguyên. Bộ phận chống thất thoát nước của Công ty đã được thành lập nhiều năm, phối hợp với bộ phận kỹ thuật để dò tìm, sửa chữa các trường hợp ống bể, thay thế đồng hồ cũ, hư hỏng. Cụ thể trong năm 2020, bộ phận chống thất thoát đã phát hiện 368 trường hợp ống bể, thực hiện phân vùng tách mạng khu vực áp Cầm tân, phường Xuân Tân gồm các hẻm 1,2,3,5,6,7,8 kiểm tra tỉ lệ thất thoát trung bình là 17%, qua đó dò tìm sửa chữa ống bể, rò rỉ, cải tạo chuyển mạng và thay thế đồng hồ khách hàng chạy không chính xác đã giảm tỉ lệ thất thoát xuống trung bình còn 8%.

Quản lý tiêu thụ năng lượng

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ % so với cùng kỳ
Xe dầu	Lít	1.849	1.563	84,53
Xe xăng	Lít	4.381	3.570	81,48
Điện năng tiêu thụ	Kw	1.839.304	2.182.832	118,67
Javel 5%	Kg	18.300	39.654	216,68
NaOH 32%	Kg	12.000	29.100	242,50

Trong năm 2020, các chỉ tiêu về xe dầu và xe xăng mà doanh nghiệp tiêu thụ thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xe dầu giảm 15,47%, xe xăng giảm 18,52%. Do lượng nước sản xuất năm nay cao hơn 14,35% nên Công ty đã sử dụng điện năng và các hóa chất phục vụ cho công tác xử lý nguồn nước nhiều hơn so với năm 2019. Cụ thể điện năng tiêu thụ tăng 18,67%, Javel 5% tăng 116,68% và NaOH 32% tăng 142,50%.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nền kinh tế ngày càng phát triển làm mức độ ô nhiễm môi trường trở nên nghiêm trọng hơn do các hệ thống và thiết bị xử lý chất thải chưa kịp hoàn thiện theo tốc độ phát triển kinh tế. Các hoạt động chính có liên quan chặt chẽ đến chất lượng môi trường nói chung và chất lượng môi trường nước nói riêng nên Công ty luôn ý thức về trách nhiệm của mình thông qua công tác quản lý hóa chất dùng trong xử lý nguồn nước, kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường ống, tăng cường hoạt động quản lý rủi ro thất thoát nước. Đồng thời cải tiến máy móc, áp dụng công nghệ tiên tiến trong quá trình khai thác và sản xuất để giảm thiểu rủi ro gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo cung cấp đủ và kịp thời nhu cầu sử dụng của khách hàng.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty chú trọng tạo điều kiện để người lao động có thể hưởng các chính sách của Nhà nước về người lao động một cách đầy đủ nhất. Chính sách lương được xây dựng theo quy định của Nhà nước và đảm bảo trả lương đúng hạn nhân viên. Toàn bộ người lao động được ký hợp đồng lao động, được hưởng các chế độ của Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp. Công ty định kỳ hàng năm tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể CBCNV.



Chính sách liên quan đến xã hội, cộng đồng địa phương

Công ty tiếp tục xem xét và thực hiện các dự án mang nguồn nước sạch đến phục vụ cho người tiêu dùng, nâng cao tỷ lệ hộ dân tiếp cận được với nguồn nước sạch, phối hợp với cơ quan ban ngành địa phương cải thiện môi trường sống, đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện, quyên góp cho người nghèo tại địa phương, ủng hộ đồng bào chịu ảnh hưởng của thiên tai, giúp đỡ gia đình liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng,...





3

Đánh giá và báo cáo của Ban điều hành

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình quản trị tài sản, nguồn vốn
- Kế hoạch kinh doanh năm 2021
- Báo cáo đánh giá các tác động liên quan đến môi trường và xã hội

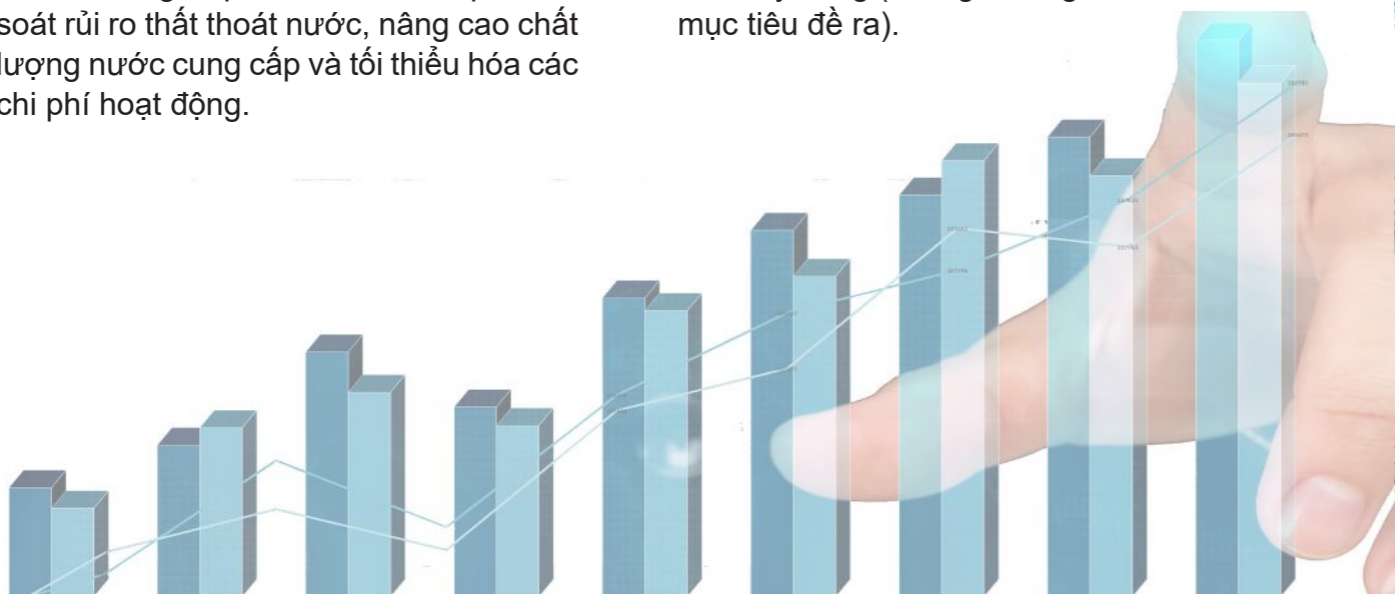
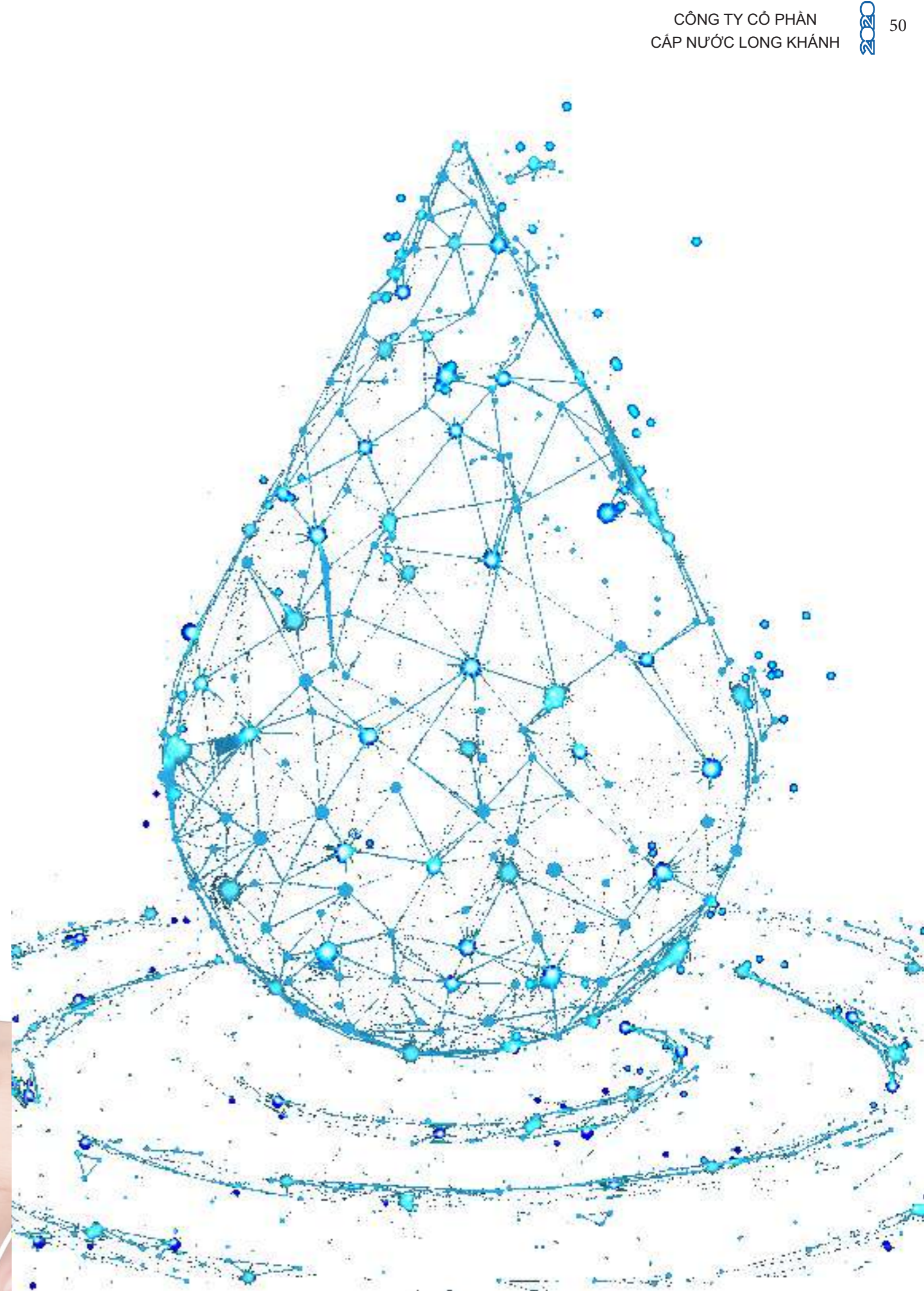
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cùng với sự điều hành của Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên từng bộ phận, phòng ban phối hợp, thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Trong năm 2020, hoạt động sản xuất của Công ty đạt được các kết quả sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	TH/KH (%)
Sản lượng nước sản xuất	1000m ³	5.330	5.962	111,86
Sản lượng ghi thu	1000m ³	4.477	5.055	112,91
Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,00	15,22	-0,78
Tổng doanh thu	Tr.đồng	41.430	49.600	119,72
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.389	15.033	131,99
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.163	13.807	135,86
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	15 (dự kiến)	100

Nhờ các chính sách đề ra, tập trung vào dịch vụ cung cấp nước sạch của Công ty, các chỉ tiêu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đều hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra ban đầu. Trong năm, Công ty đã tiến hành mở rộng và cải tạo các hệ thống đường ống tại các khu dân cư, kiểm tra, sửa chữa, thay thế các đồng hồ cũ, hư hỏng, lắp đặt van điều áp, kiểm soát rủi ro thất thoát nước, nâng cao chất lượng nước cung cấp và tối thiểu hóa các chi phí hoạt động.

Các biện pháp trên đã mang lại hiệu quả đáng kể, cụ thể sản lượng nước sản xuất đạt gần 6 triệu m³, vượt 11,86% so với mục tiêu, tỷ lệ thất thoát nước giảm đi đáng kể, còn 15,22%. Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 49,60 tỷ đồng (tương đương 119,72% mục tiêu đề ra) và 13,81 tỷ đồng (tương đương 135,86% mục tiêu đề ra).



TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	25.679	46,80	31.423	49,43
Tài sản dài hạn	29.190	53,20	32.151	50,57
Tổng tài sản	54.869	100,00	63.574	100,00

Tổng tài sản tăng 15,86% trong năm 2020, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 22,37% (tương đương 5,74 tỷ đồng) chủ yếu từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng 10 tỷ đồng), do đặc thù ngành là nhận tiền mặt và tiền chuyển khoản của khách hàng định kỳ hàng tháng. Tài sản dài hạn tăng 10,14% (tương ứng gần 3 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân là do trong năm, Công ty đã mua thêm máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển với tổng giá trị 4,4 tỷ đồng.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2019		2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	6.280	11,45	8.560	13,46
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	48.589	88,55	55.014	86,54
Tổng nguồn vốn	54.869	100,00	63.574	100,00

Tổng nguồn vốn trong năm 2020 tăng 15,86% chủ yếu do sự gia tăng trong vốn chủ sở hữu. Nợ ngắn hạn trong năm tăng gần 2,3 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng 6,4 tỷ đồng. Do tình hình hoạt động trong năm có kết quả tốt, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 4,6 tỷ đồng làm tăng vốn chủ sở hữu. Khoản tăng trong nợ ngắn hạn chủ yếu liên quan đến các khoản chi trả cho người lao động. Trong năm 2020, nhờ kết quả hoạt động trong năm vượt kế hoạch đề ra nên người lao động được hưởng mức lương, thưởng cao hơn các năm trước. Có thể thấy, Công ty đã sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và nguồn tài chính hiện có để đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và thực trạng nền kinh tế, HDQT và ĐHCĐ đưa ra kế hoạch năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
I	Sản xuất nước		
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	6.244.100
2	Sản lượng ghi thu	m ³	5.307.500
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	15
II	Tổng doanh thu	Đồng	52.188.750.000
1	Doanh thu từ cung cấp nước sạch	Đồng	47.236.750.000
2	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ lắp đặt	Đồng	3.000.000.000
3	Doanh thu cho thuê tài sản	Đồng	392.000.000
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	1.200.000.000
5	Doanh thu từ nguồn khác	Đồng	360.000.000
III	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	16.238.434.100
IV	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	14.377.490.690
V	Các khoản nộp Ngân sách	Đồng	9.300.000.000
VI	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15
VII	Đầu tư XDCB	Đồng	10.000.000.000
VIII	Thu nhập bình quân người/ tháng	Đồng	16.000.000



BÁO CÁO CÁC TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá các chỉ tiêu môi trường

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào chính và các sản phẩm đều liên quan đến tài nguyên nước. Ngoài việc chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến tài nguyên nước, Công ty còn phối hợp với các cơ quan chức năng để bảo vệ nguồn nước, có kế hoạch khai thác hợp lý, tiết kiệm, tránh gây ô nhiễm và đồng thời tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân viên Công ty về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng công tác sử dụng tiết kiệm năng lượng, góp phần tiết kiệm tài nguyên quốc gia, giảm thiểu chi phí sản xuất kinh doanh.



Đánh giá vấn đề lao động

Lực lượng lao động là một trong những yếu tố quan trọng nhất, tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động của Công ty, do đó các chính sách, chế độ lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động luôn được quan tâm, chú trọng. Bên cạnh việc thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Nhà nước như đảm bảo mức lương tối thiểu bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu của vùng, người lao động được thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm cùng với các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Để đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, Công ty đã trang bị kiến thức, kỹ năng về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy cũng như trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, dụng cụ phòng cháy chữa cháy, kiểm tra thường xuyên các thiết bị lao động, thiết bị điện, trạm bơm. Công ty cũng đã thành lập ban an toàn lao động, thường xuyên kiểm tra vận động công nhân viên chấp hành tốt công tác an toàn lao động tại nơi làm việc.



Đánh giá trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương



Công ty tích cực tham gia các phong trào do Tổng công ty và địa phương tổ chức, đóng góp xây dựng cộng đồng địa phương phát triển vững mạnh. Trong năm, Công ty đã tổ chức cho CBCNV tham gia nhiều hoạt động xã hội như: thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ, thăm hỏi gia đình chính sách, vận động người lao động tham gia hiến máu tình nguyện,...



4

Báo cáo hội đồng quản trị

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty luôn chủ động theo dõi, cập nhật tình hình thị trường và giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và Công ty để đưa ra định hướng, chỉ đạo phù hợp và kịp thời, bám sát tình hình thực tế để mang lại lợi ích cho Công ty, Cổ đông và người lao động. Trong năm 2020, nhờ các kế hoạch và chiến lược hợp lý mà Hội đồng quản trị đề ra, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:



Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm	
				Số tiền	%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	44.248	48.015	3.767	8,51
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	21.598	20.734	-864	-4,00
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	22.650	27.282	4.632	20,45
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.760	15.033	3.273	27,83
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.387	13.807	3.42	32,93
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.832	3.765	933	32,94

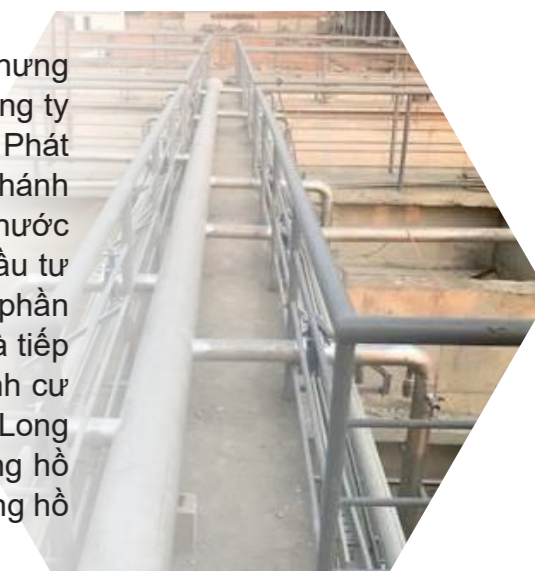
Chỉ tiêu	ĐVT	2020		%TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
Sản lượng nước sản xuất	1000m ³	5.330	5.962	111,86
Sản lượng ghi thu	1000m ³	4.477	5.055	112,91
Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,00	15,22	-0,78
Tổng doanh thu	Tr.đồng	41.430	49.600	119,72
Tổng chi phí	Tr.đồng	30.041	34.567	115,07
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.389	15.033	131,99
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.163	13.807	135,86

Về hoạt động sản xuất nước

Trong năm 2020, hoạt động sản xuất nước diễn ra ổn định và có sự tăng trưởng nhờ các biện pháp và chiến lược hoạt động phù hợp. Công ty luôn đảm bảo cung cấp đủ nước cho nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, đồng thời duy trì và cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng, đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. Trong năm 2020, sản lượng nước ghi thu đạt 112,91%, tổng doanh thu đạt 119,72%, lợi nhuận sau thuế đạt 135,86% so với mục tiêu kế hoạch đề ra.

Về hoạt động xây lắp

Mặc dù hoạt động xây lắp không đạt được kết quả như năm 2019 nhưng đã hoàn thành mục tiêu đề ra cho năm 2020. Trong năm nay, Công ty đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng các công trình gồm: Phát triển tuyến ống cấp nước đường N9, D2 Khu Công Nghiệp Long Khánh (giai đoạn 1), Gói thầu số 526: Thi công phát triển tuyến ống cấp nước phân đoạn các tuyến đường N1, N5, D2, D6 thuộc công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Khánh do Công ty cổ phần Khu Công Nghiệp Long Khánh làm chủ đầu tư; đấu nối, xúc xả và tiếp nhận quản lý khai thác hệ thống tuyến ống cấp nước Khu Tái định cư phường Bào Vinh giai đoạn 2 do Ban Quản lý Dự án thành phố Long Khánh làm chủ đầu tư; Thi công lắp đặt 05 đồng hồ D50, 01 đồng hồ D100 tại Khu công nghiệp Long Khánh; 02 đồng hồ D50 và 02 đồng hồ D100 tại Khu công nghiệp Suối Tre, thành phố Long Khánh.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra, Ban lãnh đạo Công ty cùng các phòng ban và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực, phối hợp hoạt động, bám sát các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo còn tăng cường công tác xây dựng, củng cố đoàn kết nội bộ, thực hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa”, trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Cụ thể, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Thực hiện tốt công tác tài chính, kế toán theo quy định, quản lý dòng tiền, quản lý công nợ, kiểm soát chi phí, duy trì cơ cấu vốn hiệu quả, không để xảy ra tình trạng nợ tồn đọng hoặc chậm trả nợ.
- Xây dựng và triển khai các chiến lược hoạt động sản xuất, kinh doanh dựa trên tình hình thực tế của Công ty và bám sát chủ trương Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giúp Công ty đạt được kết quả tốt nhất.
- Thực hiện đúng các quy định về lương thưởng, phúc lợi theo pháp luật và Điều lệ Công ty, trả lương đúng hạn, đầy đủ và công bằng, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thúc đẩy tăng năng suất lao động.
- Ký kết các hợp đồng và triển khai các dự án quan trọng trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư, cổ đông Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.
- Không ngừng học hỏi, nâng cao khả năng quản lý, điều hành và phối hợp hoạt động của các phòng ban trong Công ty một cách nhịp nhàng để mang lại hiệu quả cao nhất.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc đã đưa ra kế hoạch mục tiêu năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
I	Sản xuất nước		
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	6.244.100
2	Sản lượng ghi thu	m ³	5.307.500
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	15
II	Tổng doanh thu	Đồng	52.188.750.000
III	Tổng chi phí	Đồng	35.950.315.900
IV	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	16.238.434.100

Để đạt được mục tiêu đề ra trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đưa ra định hướng bao gồm:

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng bố trí hợp lý nguồn vốn, nhân lực, thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, chi phí đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nguồn nhân lực của Công ty.
- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, khai thác tối ưu công suất máy móc hiện có, đảm bảo cung cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt của khu dân cư và Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh; Đẩy mạnh chính sách tiết kiệm chi phí; Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển.
- Tiếp tục khảo sát, lập phương án phát triển nguồn cung cấp nước đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt cho khách hàng trong thời gian tới. Hiện nay đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phép khoan thăm dò nước dưới đất công trình: 02 giếng khoan công suất 1.700 m³/ngàyđêm tại Khu công nghiệp Long Khánh; 01 giếng khoan công suất 600 m³/ngàyđêm tại UBND xã Bảo Quang; 01 giếng khoan công suất 600 m³/ngàyđêm tại Khu phố 3 phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh và đang lập đề án xin cấp khai thác ; đồng thời phối hợp với các hộ dân đầu tư đón đầu mở mạng một số tuyến ống cấp nước có mật độ dân cư đông nhằm tăng số lượng khách hàng sử dụng nước, tăng sản lượng tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Tích cực tìm kiếm tham gia đấu thầu công tác thi công xây lắp và chỉ định thầu xây lắp công trình cấp nước để tăng doanh thu.

- Tiếp tục khảo sát, khoan vùng, tách mạng tuyến ống cấp nước các tuyến đường phường Xuân Tân và nội ô thành phố Long Khánh, xác định tỷ lệ nước thất thoát từng khu vực, từng phường, từng khu dân cư để lập kế hoạch thực hiện cải tạo, thay mới phù hợp, giảm tỷ lệ nước thất thoát; Trang bị thêm máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ... phục vụ cho công tác giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Khai thác hiệu quả nguồn nước hiện có, tăng cường công tác kiểm tra giám sát chất lượng nước sản xuất, cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định; Quản lý vận hành tốt các trạm bơm cấp nước: duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào; điều hòa áp lực giữa các trạm bơm khi đưa nước ra mạng lưới, tiết kiệm tối đa điện năng và hóa chất tiêu hao.
- Thực hiện ghi đúng thu đủ, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát chặt chẽ công tác ghi thu tiền nước và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân; Tiếp tục phát triển hoàn thiện các kênh thu đa dạng, để khách hàng thuận tiện cho việc thanh toán tiền nước.
- Phối hợp với chính quyền địa phương thỏa thuận vị trí các tuyến ống cấp nước phù hợp, đảm bảo tính khả thi, tính hiệu quả của việc đầu tư phát triển hệ thống cấp nước khi xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước lâu năm, hư mục và phát triển khách hàng; tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống sinh hoạt.
- Duy trì tổ kiểm tra khách hàng đột xuất khi cần thiết, đo đồng hồ khách hàng và thay thế những đồng hồ chạy không chính xác hoặc đồng hồ cũ trên 10 năm; Thay thế dần các đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện tử cho các khách hàng lớn.
- Phối hợp chặt chẽ với Công an thành phố Long Khánh, Công an các phường xã trên địa bàn thành phố, bảo vệ các Khu công nghiệp, bảo vệ an ninh trật tự, an ninh an toàn nguồn nước, đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm quản lý mạng lưới cấp nước, nhất là đối với công tác trực 24/24 giờ, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng kịp thời các sự cố ống bể.



5

Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	5	62,50	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2020
2	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	3	37,50	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2020
3	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	8	100,00	
4	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	8	100,00	
5	Đào Quý Tính	Thành viên	8	100,00	
6	Huỳnh Trường An	Thành viên	7	87,50	Nghỉ phép

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao cho Ban Giám đốc.

Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

- Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, quý. Đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.

- Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công ty đã thực hiện theo đúng quy định.
- Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT.

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT-LKW	05/03/2020	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
2	Số 02/NQ-HĐQT-LKW	05/03/2020	Thông qua kết quả thực hiện SXKD năm 2019 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2020
3	Số 03/NQ-HĐQT-LKW	14/04/2020	Thông qua kết quả thực hiện SXKD quý I/2020 và kế hoạch SXKD quý II/2020
4	Số 04/NQ-HĐQT-LKW	14/04/2020	Điều chỉnh lương người quản lý năm 2020
5	Số 05/NQ-HĐQT-LKW	14/04/2020	Thông qua các nội dung và hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. HĐQT ủy quyền cho Giám đốc Công ty triển khai các thủ tục, nội dung cần thiết có liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
6	Số 06/NQ-HĐQT-LKW	14/04/2020	Sáp nhập 2 đội Xây lắp và Chống thất thoát thành 1 đội: Xây lắp + chống thất thoát kể từ 15/04/2020
7	Số 07/NQ-HĐQT-LKW	08/05/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế tài chính và quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh. Giám đốc Công ty thực hiện phương án Đầu tư XDCB trong năm 2020
8	Số 08/NQ-HĐQT-LKW	08/05/2020	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền
9	Số 09/NQ-HĐQT-LKW	20/05/2020	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
10	Số 10/NQ-HĐQT-LKW	12/08/2020	Thông qua các hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh với Công ty TNHH Thanh Sơn Tính.
11	Số 01/QĐ-HĐQT-LKW	31/01/2020	Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty CP cấp nước Long Khánh
12	Số 02/QĐ-HĐQT-LKW	31/01/2020	Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty CP Cấp nước Long Khánh
13	Số 03/QĐ-HĐQT-LKW	31/01/2020	Ban hành Quy chế tiền lương, thù lao và tiền thưởng của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
14	Số 01/QĐ-HĐQT-LKW	10/04/2020	Thành lập Ban thẩm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CP Cấp nước Long Khánh

BAN KIỂM SOÁT

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Nghị quyết/	Ngày	Nội dung
15	Số 02/QĐ-HĐQT-LKW	15/04/2020	Quyết định sáp nhập 2 đội Xây lắp và đội Chống thất thoát thành đội Xây lắp-Chống thất thoát
16	Số 04/QĐ-HĐQT-LKW	20/04/2020	Về việc chi ngân quỹ khen thưởng cho người quản lý năm 2019
17	Số 05/QĐ-HĐQT-LKW	08/05/2020	Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty CP Cấp nước Long Khánh
18	Số 06/QĐ-HĐQT-LKW	08/05/2020	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty CP Cấp nước Long Khánh
19	Số 07/QĐ-HĐQT-LKW	08/05/2020	Ban hành Quy chế Công bố thông tin

Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	3	100,00%	
2	Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	3	100,00%	
3	Ông Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên	2	66,67%	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2020
4	Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	1	33,33%	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2020

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty. Cụ thể:

- Định kỳ tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ sẽ giúp cho Ban kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty và để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.
- Bên cạnh đó, Ban kiểm soát luôn thực hiện nghiêm túc chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc hoạt động hiệu quả, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao phó, Ban kiểm soát cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp. Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2020 đề ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của nhà nước.
- Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo tài chính.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thu nhập khác	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị		1.549.045.000	292.250.000	55.610.000	408.000.000	2.304.905.000
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách				72.000.000	72.000.000
2	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	311.000.000	70.000.000	5.000.000	-	386.000.000
3	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	536.000.000	70.000.000	16.870.000	84.000.000	706.870.000
4	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	447.800.000	55.000.000	16.870.000	84.000.000	603.670.000
5	Đào Quý Tính	Thành viên	-	40.000.000	-	84.000.000	124.000.000
6	Huỳnh Trường An	Thành viên	254.245.000	57.250.000	16.870.000	84.000.000	412.365.000
II	Ban điều hành		820.000.000	110.000.000	33.740.000	-	963.740.000
1	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó giám đốc	410.000.000	55.000.000	16.870.000	-	481.870.000
2	Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	410.000.000	55.000.000	16.870.000	-	481.870.000
III	Ban Kiểm soát		428.440.000	87.250.000	35.740.000	96.000.000	647.430.000
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	274.400.000	40.000.000	17.870.000	-	332.270.000
2	Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên				32.000.000	32.000.000
3	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	-	15.000.000	-	16.000.000	31.000.000
4	Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	154.040.000	32.250.000	17.870.000	48.000.000	252.160.000
IV	Thư ký		237.013.500	32.250.000	17.870.000	48.000.000	335.133.500
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thư ký	237.013.500	32.250.000	17.870.000	48.000.000	335.133.500
Tổng cộng			3.034.498.500	521.750.000	142.960.000	552.000.000	4.251.208.500





6

Báo cáo tài chính

- Ý kiến đánh giá của Kiểm toán viên
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Ông Huỳnh Trường An	Thành viên
Ông Đào Quý Tính	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021, riêng đối với thuyết minh mục 7 và mục 8 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính phát hành lại ngày 01 tháng 03 năm 2021.



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 138/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2021 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 47/2021/BCKT-RSMHCM ngày 17 tháng 02 năm 2021 do thay đổi thông tin thuyết minh mục 7 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính về thu lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác và mục 8 về thu nhập của Ban kiểm soát. Các khoản mục khác trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đính kèm không thay đổi so với báo cáo đã phát hành ngày 17 tháng 02 năm 2021.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2021, riêng đối với thuyết minh mục 7 và mục 8 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính phát hành lại ngày 01 tháng 03 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.422.953.166	25.679.061.815
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.829.755.858	5.907.894.920
1. Tiền	111	4.1	2.829.755.858	5.907.894.920
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.500.000.000	16.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	26.500.000.000	16.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		909.603.823	1.431.184.588
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	483.669.375	1.007.999.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		118.700.000	58.700.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		381.239.521	364.485.370
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(74.005.073)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.149.457.332	1.571.016.961
1. Hàng tồn kho	141	4.4	1.149.457.332	1.571.016.961
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.136.153	268.965.346
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.136.153	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	-	268.965.346
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.150.753.436	29.189.737.281
I. Tài sản cố định	220		30.300.229.365	26.858.749.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	30.104.396.052	26.630.916.631
Nguyên giá	222		56.453.722.282	50.819.688.757
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.349.326.230)	(24.188.772.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227		195.833.313	227.833.317
Nguyên giá	228		320.000.000	320.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124.166.687)	(92.166.683)
II. Bất động sản đầu tư	230	4.6	923.546.489	974.336.909
1. Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(346.214.018)	(295.423.598)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		296.477.327	216.769.046
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		296.477.327	216.769.046
IV. Tài sản dài hạn khác	260		630.500.255	1.139.881.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	630.500.255	1.139.881.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		63.573.706.602	54.868.799.096

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

5

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.559.841.185	6.280.029.412
I. Nợ ngắn hạn	310		8.559.841.185	6.280.029.412
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	647.823.196	451.450.489
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	641.459.315	1.167.763.349
3. Phải trả người lao động	314	4.10	4.352.843.682	3.389.431.412
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	174.772.855
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	456.255.551	280.676.376
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12.6	2.461.459.441	815.934.931
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.013.865.417	48.588.769.684
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	55.013.865.417	48.262.542.005
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.6	13.650.563.962	11.573.218.952
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.277.836.783	11.603.858.381
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.470.880.861	1.217.133.332
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.806.955.922	10.386.725.049
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	326.227.679
1. Nguồn kinh phí	431		-	326.227.679
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		63.573.706.602	54.868.799.096



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

6

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	48.015.822.496	44.251.565.639
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		433.190	3.649.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		48.015.389.306	44.247.916.096
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	20.733.776.839	21.598.153.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.281.612.467	22.649.762.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.254.813.723	752.125.011
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.508.156.405	3.922.466.395
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	8.172.622.725	7.745.291.208
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.855.647.060	11.734.130.346
10. Thu nhập khác	31		329.548.686	153.048.676
11. Chi phí khác	32		152.507.255	127.419.319
12. Lợi nhuận khác	40		177.041.431	25.629.357
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.032.688.491	11.759.759.703
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.225.732.569	1.373.034.654
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.806.955.922	10.386.725.049
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	3.765	2.832
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.5	3.765	2.832



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.032.688.491	11.759.759.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	2.528.389.958	2.378.611.240
Các khoản dự phòng	03	5.5	74.005.073	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.372.846.450)	(752.125.011)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.262.237.072	13.386.245.932
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		413.439.539	106.285.949
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		421.559.629	(193.839.344)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		550.181.440	1.395.176.247
Tăng giảm chi phí trả trước	12		509.381.123	684.146.528
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(847.000.000)	(1.870.896.753)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		178.070.217	268.746.335
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.164.405.896)	(814.593.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.323.463.124	12.961.271.754
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.998.787.236)	(1.432.188.809)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		118.032.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(30.500.000.000)	(16.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.254.813.723	752.125.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.625.940.786)	(17.180.063.798)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.775.661.400)	(3.708.948.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.775.661.400)	(3.708.948.600)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(3.078.139.062)	(7.927.740.644)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.907.894.920	13.835.635.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	2.829.755.858	5.907.894.920
(70 = 50+60+61)				



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là XI Nghiệp Nước Long Khánh. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển XI nghiệp Nước Long Khánh thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 06 năm 2019.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Quyết định số 71/2011/GCNCNP-VSD ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Việt Nam. Ngày 04 tháng 07 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	12.750.000.000	51	12.750.000.000	51
Cổ đông khác	Việt Nam	12.250.000.000	49	12.250.000.000	49
Cộng		25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 67 (31/12/2019: 66).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đấu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (Không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải; Xử lý nước thải (Không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.5. Hàng tồn kho****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	8 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm
▪ Khác	10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo được phân bổ dần trong 03 năm;
- Chi phí khác được phân bổ dần từ 03 đến 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu bao bì, chi phí nhân viên...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.15. Thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch.

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%;
- Hoạt động xây lắp: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	32.253.086	23.176.002
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.797.502.772	5.884.718.918
Cộng	2.829.755.858	5.907.894.920

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 3,6% đến 5,4%/năm, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.000.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.500.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	4.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	4.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	2.500.000.000
Cộng	26.500.000.000	16.500.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	666.480.982
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Long Khánh	98.301.900	8.249.300
Các khách hàng khác	385.367.475	333.268.936
Cộng	483.669.375	1.007.999.218

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.149.457.332	-	1.068.538.194	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	502.478.767	-
Cộng	1.149.457.332	-	1.571.016.961	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	13.225.796.870	4.571.888.240	32.440.806.429	415.197.218	166.000.000	50.819.688.757
Mua trong năm	-	424.493.000	1.049.728.545	-	-	1.474.221.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.369.505.006	144.709.645	2.930.642.759	-	-	4.444.857.410
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(285.045.430)	-	-	(285.045.430)
Tại ngày 31/12/2020	14.595.301.876	5.141.090.885	36.136.132.303	415.197.218	166.000.000	56.453.722.282
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	6.587.401.094	2.989.761.720	14.152.893.014	313.466.314	145.249.984	24.188.772.126
Khấu hao trong năm	786.273.464	324.467.328	1.290.071.022	28.187.724	16.599.996	2.445.599.534
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(285.045.430)	-	-	(285.045.430)
Tại ngày 31/12/2020	7.373.674.558	3.314.229.048	15.157.918.606	341.654.038	161.849.980	26.349.326.230
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	6.638.395.776	1.582.126.520	18.287.913.415	101.730.904	20.750.016	26.630.916.631
Tại ngày 31/12/2020	7.221.627.318	1.826.861.837	20.978.213.697	73.543.180	4.150.020	30.104.396.052

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.739.353.349 VND.

17

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.6. Tăng giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng	1.269.760.507	-	-	1.269.760.507
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng	346.214.018	50.790.420	-	295.423.598
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng	923.546.489			974.336.909

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	187.700.878	460.552.249
Chi phí sửa chữa, cải tạo	77.766.142	84.057.296
Các khoản khác	365.033.235	595.271.833
Cộng	630.500.255	1.139.881.378

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	128.221.284	128.221.284
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	289.445.200	289.445.200	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng TMDV Đức Anh	112.644.796	112.644.796	-	-
Bà Ngô Thị Kim Thoa	72.800.000	72.800.000	-	-
Các đối tượng khác	172.933.200	172.933.200	323.229.205	323.229.205
Cộng	647.823.196	647.823.196	451.450.489	451.450.489

18

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.040.724.957	1.730.558.056	-	689.833.099
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	109.767.223	1.225.732.569	847.000.000	268.965.346	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	105.760.355	528.794.718	533.956.512	-	110.922.149
Thuế tài nguyên	-	219.067.286	2.631.934.555	2.596.964.793	-	184.097.524
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	7.242.691	7.242.691	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	206.864.451	3.124.702.017	3.100.748.143	-	182.910.577
Cộng	-	641.459.315	8.562.131.507	8.819.470.195	268.965.346	1.167.763.349

4.10. Phải trả người lao động

Là quỹ lương tháng 12 và tiền thưởng phải trả cho người lao động.

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Cổ tức phải trả	34.722.500	60.383.900
Phí dịch vụ môi trường rừng	126.468.784	114.509.148
Chi phí trang phục cho cán bộ công nhân viên	156.800.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.264.267	105.783.328
Cộng	456.255.551	280.676.376

19

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.12. Vốn chủ sở hữu
4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Tại ngày 01/01/2019	25.000.000.000	85.464.672	10.183.101.549	7.655.504.787	42.924.071.008
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.386.725.049	10.386.725.049
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.390.117.403	(1.390.117.403)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.298.254.052)	(1.298.254.052)
Chia cổ tức 2018	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	25.000.000.000	85.464.672	11.573.218.952	11.603.858.381	48.262.542.005
Lãi trong năm nay	-	-	-	13.806.955.922	13.806.955.922
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.077.345.010	(2.077.345.010)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.305.632.510)	(3.305.632.510)
Chia cổ tức 2019	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	25.000.000.000	85.464.672	13.650.563.962	16.277.836.783	55.013.865.417

20

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vốn góp của công ty mẹ	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	13.806.955.922	10.386.725.049
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.393.373.374)	(3.305.632.510)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.413.582.548	7.081.092.539
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.765	2.832

4.12.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	13.806.955.922	10.386.725.049
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.393.373.374)	(3.305.632.510)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.413.582.548	7.081.092.539
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.765	2.832

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-LKW ngày 24 tháng 04 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	815.934.931	11.573.218.952
Trích trong năm	3.305.632.510	2.077.345.010
Chi trong năm	(1.660.108.000)	-
Tại ngày 31/12/2020	2.461.459.441	13.650.563.962

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	44.627.578.800	37.916.116.200
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	3.032.019.696	6.011.609.439
Doanh thu khác	356.224.000	323.840.000

Cộng **48.015.822.496** **44.251.565.639**

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7 24.327.273 5.150.336.964

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	18.286.587.264	16.188.813.510
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	2.329.977.845	5.258.060.624
Giá vốn khác	117.211.730	151.279.024

Cộng **20.733.776.839** **21.598.153.158**

Trong đó, chi phí mua hàng và dịch vụ từ bên liên quan - 169.627.195

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.083.480.146	2.488.521.033
Chi phí vật liệu, bao bì	1.980.106.610	1.094.116.078
Chi phí khác	444.569.649	339.829.284
Cộng	5.508.156.405	3.922.466.395

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.529.489.367	5.863.198.713
Chi phí khấu hao	352.664.086	288.325.884
Chi phí dự phòng	74.005.073	-
Chi phí khác	2.216.464.199	1.593.766.611
Cộng	8.172.622.725	7.745.291.208

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.237.469.496	8.725.456.134
Chi phí nhân công	15.594.728.034	16.809.925.062
Chi phí khấu hao	2.528.389.958	2.378.611.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.238.399.504	1.295.688.678
Chi phí khác bằng tiền	5.315.880.679	4.179.691.394
Cộng	33.914.867.671	33.389.372.508

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	15.032.688.491	11.759.759.703
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	204.000.000	258.567.845
Trừ: Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	(2.273.776.775)	(1.712.018.996)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	12.962.911.716	10.306.308.552
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.296.291.172	1.030.630.855
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	454.755.355	342.403.799
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.751.046.527	1.373.034.654
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm 30% theo nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(525.313.958)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.225.732.569	1.373.034.654

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác phát sinh không đáng kể.

Theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ sau cùng
2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty mẹ
3. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty cùng tập đoàn
5. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	2.053.239.471
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	-	3.079.706.584
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	24.327.273	17.390.909
Cộng – Xem thêm mục 5.1	24.327.273	5.150.336.964

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	72.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	386.000.000	679.440.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên/Giám đốc	706.870.000	667.439.800
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên/Phó Giám đốc	603.670.000	569.899.800
Ông Đào Quý Tính	Thành viên	124.000.000	106.000.000
Ông Huỳnh Trường An	Thành viên	412.365.000	324.372.000
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc	481.870.000	401.643.454
Ông Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	481.870.000	436.268.000
Cộng		3.268.645.000	3.185.063.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Tiền lương và các chi phí hoạt động của các thành viên trong ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	332.270.000	209.060.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	31.000.000	59.000.000
Ông Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	32.000.000	-
Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	252.160.000	180.796.000
Cộng		647.430.000	448.856.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.832	3.378
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.832	3.378

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được báo cáo lại do số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2019 để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu khác so với số đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2020.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

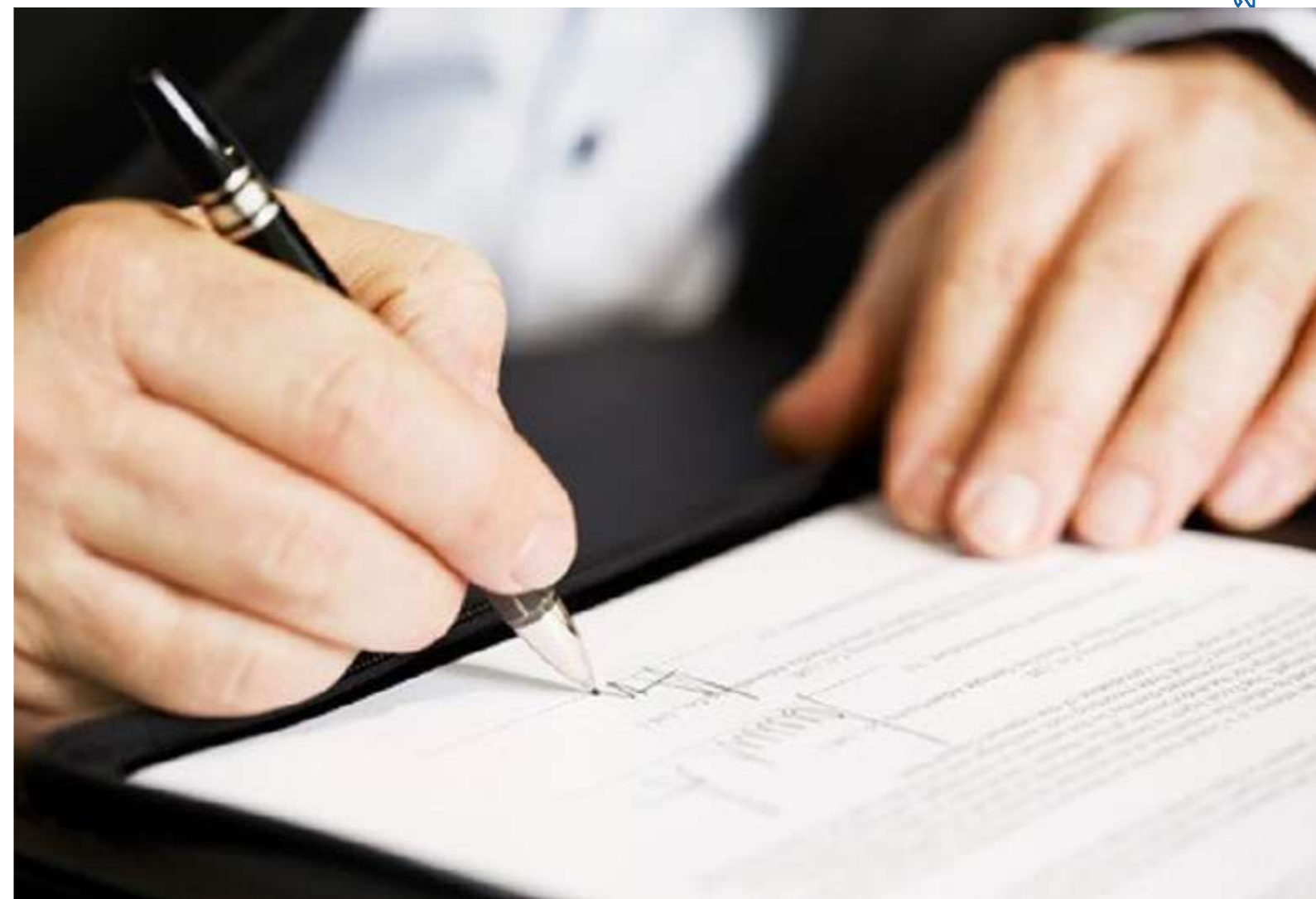


Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021, riêng đối với thuyết minh mục 7 và mục 8 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính phát hành lại ngày 01 tháng 03 năm 2021.



Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Minh